

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong
nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



Phạm vi của tài liệu

1. Yêu cầu 2. Mô tả quy trình chứng nhận trong nông nghiệp hữu cơ 3. Nguyên tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ

1. Yêu cầu

Các quy định này được xây dựng dựa trên các yêu cầu của QUY ĐỊNH (EU) 2018/848 CỦA NGHỊ VIÊN CHÂU ÂU VÀ HỘI ĐỒNG ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007. Các yêu cầu được nêu trong tài liệu này được bao gồm trong nội dung của tài liệu này.

Phù hợp với các yêu cầu về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ dựa trên QUY ĐỊNH (EU) 2018/848 CỦA NGHỊ VIÊN CHÂU ÂU VÀ HỘI ĐỒNG ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007, chúng tôi cung cấp thông tin về các yêu cầu sản xuất trong phần tiếp theo của tài liệu này (EU) 2018/848.

Dựa trên các yêu cầu của Quy định (EU) 2018/848, các nguyên tắc sản xuất hữu cơ và các quy định về sản xuất hữu cơ, chứng nhận liên quan, việc sử dụng các chỉ dẫn đề cập đến sản xuất hữu cơ trong nhãn mác và tài liệu quảng cáo, cũng như các quy định về kiểm soát bổ sung so với những quy định được nêu trong Quy định (EU) 2017/625, được thiết lập.

Phạm vi áp dụng

Quy định (EU) 2018/848 áp dụng cho các sản phẩm có nguồn gốc nông nghiệp sau đây, bao gồm các sản phẩm nuôi trồng thủy sản và nuôi ong, được liệt kê trong Phụ lục I của Hiệp ước Lisbon, và cho các sản phẩm có nguồn gốc từ các sản phẩm đó, trong trường hợp các sản phẩm đó được sản xuất, chế biến, dán nhãn, phân phối, đưa ra thị trường hoặc nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh:

Phạm vi chứng nhận sinh thái quốc gia:

LP	Danh mục sản phẩm:
VA	Thực vật và các sản phẩm từ thực vật chưa qua chế biến, bao gồm hạt giống và các vật liệu sinh sản khác của thực vật.
B	Động vật nuôi trang trại và các sản phẩm động vật chưa qua chế biến
D	Các sản phẩm nông nghiệp chế biến, bao gồm cả sản phẩm nuôi trồng thủy sản, dùng làm thực phẩm.
E	Thực ăn gia súc
F	Rượu
G	Các sản phẩm khác được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định (EU) 2018/848 hoặc không thuộc các danh mục trước đó.

Phạm vi chứng nhận hữu cơ của nước thứ ba

VA	Thực vật và sản phẩm thực vật chưa qua chế biến, bao gồm hạt giống và các vật liệu nhân giống thực vật khác (phạm vi không áp dụng tại Ấn Độ)
B	Động vật nuôi trang trại và các sản phẩm động vật chưa qua chế biến
D	Các sản phẩm nông nghiệp chế biến, bao gồm cả sản phẩm nuôi trồng thủy sản, dùng làm thực phẩm.
G	Các sản phẩm khác được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định (EU) 2018/848 hoặc không thuộc các danh mục trước đó.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



Quy định này cũng áp dụng cho một số sản phẩm khác có liên quan mật thiết đến nông nghiệp được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định này, những sản phẩm đang hoặc dự định được sản xuất, chế biến, dán nhãn, phân phối, đưa ra thị trường, nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ Liên minh Châu Âu.

Quy định này áp dụng cho bất kỳ tổ chức nào tham gia vào các hoạt động, ở bất kỳ giai đoạn nào của quá trình sản xuất, chuẩn bị và phân phối, liên quan đến các sản phẩm được đề cập trong đoạn 1.

Dịch vụ ăn uống đại trà do các nhà cung cấp dịch vụ ăn uống đại trà cung cấp theo định nghĩa tại điểm (d) của Điều 2(2) của Quy định (EU) số 1169/2011 sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, trừ trường hợp được nêu trong đoạn này.

Các quốc gia thành viên có thể áp dụng các quy định quốc gia hoặc, trong trường hợp không có quy định quốc gia, các tiêu chuẩn riêng cho việc sản xuất, ghi nhãn và kiểm soát các sản phẩm có nguồn gốc từ các cơ sở phục vụ ăn uống quy mô lớn. Biểu tượng sản phẩm hữu cơ của Liên minh châu Âu không được sử dụng trong việc ghi nhãn, trình bày hoặc quảng cáo các sản phẩm đó, và không được sử dụng để quảng cáo cho các cơ sở phục vụ ăn uống quy mô lớn.

Trừ khi có quy định khác, Quy định này sẽ được áp dụng mà không ảnh hưởng đến các luật liên quan của Liên minh Châu Âu, đặc biệt là luật trong các lĩnh vực an toàn chuỗi thực phẩm, sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và vật liệu sinh sản thực vật.

Quy định này áp dụng mà không ảnh hưởng đến các đạo luật cụ thể khác của Liên minh liên quan đến việc đưa sản phẩm ra thị trường, đặc biệt là Quy định (EU) số 1308/2013 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng (1) và Quy định (EU) số 1169/2011.

Các định nghĩa chi tiết có thể được tìm thấy trong Quy định (EU) 2018/848, Điều 3.

Các yêu cầu đầy đủ đối với sản xuất hữu cơ được quy định trong Quy định (EU) 2018/848 và trong các văn bản thực thi và ủy quyền của Quy định này.

Ủy ban được quyền thông qua các văn bản ủy quyền theo Điều 54 để sửa đổi danh mục sản phẩm quy định tại Phụ lục I bằng cách bổ sung thêm sản phẩm vào danh mục hoặc sửa đổi các sản phẩm đã bổ sung. Chỉ những sản phẩm có liên quan mật thiết đến sản phẩm nông nghiệp mới đủ điều kiện được đưa vào danh mục đó.

Phạm vi áp dụng của các quy tắc sản xuất có thể được tìm thấy trong Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 và được nêu trong tài liệu này.

Khi xin chứng nhận sản xuất hữu cơ, cần đáp ứng các yêu cầu của Quy định (EU) 2018/848 và các tài liệu áp dụng .

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong
nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



2. Mô tả quy trình chứng nhận trong nông nghiệp hữu cơ

Bước 1 - Nộp đơn

- a) Tải ứng dụng từ trang web của DQS Polska hoặc gửi câu hỏi đến DQS Polska theo địa chỉ: ecology@dqs.pl - Trang web của chúng tôi cung cấp nhiều ứng dụng khác nhau tùy thuộc vào nhu cầu của nhà sản xuất - vui lòng chọn ứng dụng phù hợp.
- b) Mẫu đơn đăng ký đã điền đầy đủ, có chữ ký và, tùy theo yêu cầu, kèm theo các tài liệu cần thiết.
Các tài liệu cần được gửi đến địa chỉ DQS Polska: ecology@dqs.pl

Bước 2 - Xem xét hồ sơ ứng tuyển

- a. Xét duyệt hồ sơ - Hồ sơ sẽ được xét duyệt. Sau khi xét duyệt, người nộp đơn sẽ được thông báo kết quả.
Có thể được yêu cầu cung cấp thêm lời giải thích và bằng chứng.
- b. DQS Polska sẽ chuẩn bị một thỏa thuận chứng nhận và sau khi thỏa thuận được ký kết và gửi đến DQS Polska, một...
Việc khảo sát hiện trường sẽ được lên lịch.
- c. Thỏa thuận này quy định các yêu cầu đối với tổ chức và các yêu cầu đối với DQS Polska. Điều này bao gồm các quy tắc chứng nhận liên quan đến các yêu cầu của tổ chức, ví dụ như đình chỉ, thu hồi hoặc hạn chế chứng nhận.

Bước 3 - Thực hiện hợp đồng

- a. DQS Polska sẽ thống nhất ngày tiến hành kiểm tra tại chỗ sao cho phù hợp với đơn vị.
- b. Đơn vị sẽ nhận được một kế hoạch kiểm tra bao gồm phạm vi và các bước kiểm tra cụ thể.
- c. Thanh tra viên của DQS Polska sẽ tiến hành kiểm tra trong phạm vi và địa điểm của các đơn xin chứng nhận.
Mỗi cuộc kiểm tra đều được tiến hành tại địa điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ.
- d. Trong quá trình kiểm tra, thanh tra viên đưa ra đánh giá dựa trên các cuộc phỏng vấn với những người tham gia vào quy trình sản xuất, đánh giá các hoạt động sản xuất và đánh giá các tài liệu và hồ sơ về các hoạt động đã thực hiện.
- e. Trong quá trình đánh giá, mẫu sản phẩm có thể được lấy để kiểm tra, quyết định về việc có cần lấy mẫu hay không do DQS Polska sp. z oo đưa ra.
- f. Kết quả đánh giá là một báo cáo có chỉ dẫn, nếu có, về các lĩnh vực cần cải thiện.
Đưa ra các biện pháp bổ sung.
- g. Cuộc kiểm tra kết thúc bằng một cuộc họp tổng kết, tại đó thanh tra viên sẽ thông báo cho đơn vị liên quan về kết quả sơ bộ.
Kết quả kiểm tra.

Bước 4 - Đánh giá sau kỳ thi

- a. Kết quả kiểm tra, báo cáo, thông tin, bằng chứng và hồ sơ đều phải chịu sự thẩm định độc lập.
Đánh giá tuân thủ (theo nguyên tắc bốn mắt) bởi một người không tham gia vào quy trình.
- b. Kết quả của quá trình xem xét là một quyết định liên quan đến khuyến nghị chứng nhận, quyết định này phụ thuộc vào...
Liệu tổ chức đó có đáp ứng các yêu cầu chứng nhận hay không.

Bước 5 - Quyết định chứng nhận

- a. Kết quả đánh giá sự phù hợp đạt yêu cầu sẽ dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận.
- b. Đơn vị được thông báo về kết quả đánh giá sự phù hợp.

Bước 6 - Cấp giấy chứng nhận

- a. Đơn vị nhận được giấy chứng nhận tuân thủ bằng hình thức điện tử.
- b. Giấy chứng nhận được cấp có giá trị trong vòng 12-18 tháng.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong
nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



c. Các chứng chỉ do DQS Polska sp. z oo cấp có thể được tìm thấy trên trang web của DQS:
[dqs.pl//CertListEU.php](https://dqs.pl/CertListEU.php)

d. Các chứng chỉ được cấp bởi các cơ quan chứng nhận quốc gia và các nước thứ ba có thể được tìm thấy
trên trang web của Ủy ban Châu Âu: [Chứng chỉ dành cho nhà sản xuất hữu cơ - TRACES NT \(europa.eu\)](https://ec.europa.eu/food/organic/nt/nt-certification/)

Bước 7 - Các hành động tiếp theo để duy trì tính liên tục của chứng nhận

a. Ít nhất mỗi 12 tháng một lần, một cuộc kiểm tra khác sẽ được thực hiện trong phạm vi và địa điểm hoạt
động kinh doanh - mục đích của cuộc kiểm tra là để đánh giá và xác nhận sự tuân thủ các yêu cầu chứng
nhận đã được thực hiện.

b. Tùy thuộc vào việc đánh giá mức độ tuân thủ các yêu cầu và phạm vi của
Sau khi được cấp chứng nhận, DQS Ba Lan có thể tiến hành các cuộc kiểm tra bổ sung có thông báo và không
thông báo theo yêu cầu của Quy định (EU) 2018/848.

Bước 8 - Danh mục các biện pháp xử lý trong trường hợp có sai phạm và vi phạm quy định.

Nếu một nhà sản xuất hoặc nhóm nhà sản xuất bị phát hiện có hành vi bất thường hoặc vi phạm các quy định của Quy
định (EU) 2018/848 về nông nghiệp hữu cơ, như được nêu trong báo cáo kiểm tra hoặc kết quả từ các cuộc điều tra
và đánh giá tuân thủ, thì các biện pháp trừng phạt sẽ được áp dụng.

Các biện pháp trừng phạt được Giám đốc DQS Polska áp đặt theo yêu cầu của một nhân viên chính thức.

Đơn vị có nghĩa vụ khởi xướng, thực hiện và chứng minh các hành động đã thực hiện để khắc phục những thiếu
sót. Phạm vi chi tiết của các biện pháp trừng phạt được quy định trong tài liệu của DQS Polska: [Danh mục các
biện pháp](https://www.dqsglobal.com/pl/o-nas/akredytacja-i-powiedzialianie/), có sẵn trên trang web của chúng tôi (<https://www.dqsglobal.com/pl/o-nas/akredytacja-i-powiedzialianie/>) .
[dokumentacja-certyfikacji-zgodnosci-procesow-produkcji-ekologicznej/bio-dqs-control-measures](https://www.dqsglobal.com/pl/o-nas/akredytacja-i-powiedzialianie/dokumentacja-certyfikacji-zgodnosci-procesow-produkcji-ekologicznej/bio-dqs-control-measures)).

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong
nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



3. Nguyên tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ theo Quy định (EU) 2018/848

Nguyên tắc chung của sản xuất hữu cơ

Phần I: Quy định về sản xuất cây trồng

Phần II: Quy định về chăn nuôi

Phần III: Quy định về sản xuất tảo và động vật nuôi trồng thủy sản - không áp dụng

Phần IV: Quy định về sản xuất thực phẩm chế biến

Phần V: Quy định về sản xuất thức ăn chăn nuôi chế biến sẵn

Phần VI: Rượu vang - không áp dụng cho các nước thứ ba

Phần VII: Các loại nấm men dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi

Phần VIII: Các sản phẩm khác, theo Phụ lục I của Quy định (EU) 2018/848 - có liên quan mật thiết đến các sản phẩm nông nghiệp.

Nguyên tắc chung của sản xuất sinh thái

Các nguyên tắc chung được nêu trong Điều 5 và bao gồm:

Sản xuất hữu cơ là một hệ thống quản lý bền vững dựa trên các nguyên tắc chung sau:

a) Tôn trọng các hệ thống và chu kỳ tự nhiên, duy trì và cải thiện trạng thái của đất, nước và không khí, sức khỏe của thực vật và động vật cũng như sự cân bằng giữa chúng;

b) Bảo vệ các yếu tố cảnh quan tự nhiên, chẳng hạn như các di tích lịch sử tự nhiên;

c) Sử dụng năng lượng và tài nguyên thiên nhiên như nước, đất, chất hữu cơ và không khí một cách có trách nhiệm;

(d) sản xuất nhiều loại thực phẩm chất lượng cao và các sản phẩm nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản khác đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng đối với hàng hóa được sản xuất bằng các quy trình không gây rủi ro cho môi trường, sức khỏe con người, sức khỏe thực vật hoặc sức khỏe và phúc lợi động vật;

e) Đảm bảo tính toàn vẹn của sản xuất hữu cơ ở tất cả các giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối thực phẩm và thức ăn chăn nuôi;

f) Thiết kế và quản lý phù hợp các quá trình sinh học dựa trên hệ sinh thái và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên nội tại của hệ thống quản lý bằng các phương pháp:

(i) sử dụng sinh vật sống và phương pháp sản xuất cơ học;

(ii) liên quan đến việc trồng trọt cây trồng gắn liền với đất đai và chăn nuôi gia súc gắn liền với đất nông nghiệp hoặc tiến hành nuôi trồng thủy sản phù hợp với nguyên tắc sử dụng bền vững tài nguyên nước;

(iii) loại trừ việc sử dụng GMO, sản phẩm được sản xuất từ GMO và sản phẩm được sản xuất bởi GMO, ngoại trừ thuốc thú y;

(iv) dựa trên việc đánh giá rủi ro và áp dụng các biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn khi thích hợp;

(g) hạn chế việc sử dụng các yếu tố đầu vào bên ngoài, trong trường hợp các yếu tố đầu vào bên ngoài là cần thiết hoặc các phương pháp và quy trình quản lý phù hợp như đã đề cập ở điểm (f) không tồn tại, thì các yếu tố đầu vào bên ngoài phải được giới hạn ở:

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



(i) đầu vào từ sản xuất hữu cơ, trong trường hợp vật liệu sinh sản thực vật, ưu tiên sẽ được dành cho các giống được chọn lọc dựa trên khả năng đáp ứng các nhu cầu và mục tiêu cụ thể của canh tác hữu cơ;

(ii) các chất tự nhiên hoặc các chất có nguồn gốc từ chúng;

(iii) phân bón khoáng tan chậm;

(h) điều chỉnh quy trình sản xuất, khi cần thiết và trong khuôn khổ Quy định này, để tính đến các điều kiện vệ sinh, sự khác biệt về cân bằng sinh thái theo vùng, khí hậu và điều kiện địa phương, các giai đoạn phát triển và các phương pháp chăn nuôi cụ thể;

i) Loại trừ khỏi toàn bộ chuỗi thức ăn sinh thái việc nhân bản động vật, việc lai tạo động vật đa bội nhân tạo và bức xạ ion hóa;

j) Đảm bảo mức độ phúc lợi cao cho động vật, có tính đến nhu cầu đặc thù của từng loài.

Điều 6 quy định chi tiết các quy tắc áp dụng cho các hoạt động nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Đối với các hoạt động nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, sản xuất hữu cơ đặc biệt dựa trên các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Duy trì và cải thiện đời sống đất và độ phì nhiêu tự nhiên của đất, độ ổn định của đất, khả năng giữ nước của đất và đa dạng sinh học của đất, ngăn ngừa và chống lại sự mất chất hữu cơ trong đất, sự nén chặt và xói mòn đất, và cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng chủ yếu thông qua hệ sinh thái đất;

b) Giảm thiểu việc sử dụng tài nguyên không thể tái tạo và các yếu tố đầu vào bên ngoài;

c) Tái chế chất thải và phụ phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật làm nguyên liệu trong sản xuất thực vật và động vật;

(d) duy trì sức khỏe cây trồng bằng cách áp dụng các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là việc lựa chọn các loài, giống hoặc vật liệu lai phù hợp có khả năng kháng sâu bệnh, luân canh cây trồng thích hợp, các phương pháp cơ học và vật lý và bảo vệ các thiên địch của sâu bệnh;

e) Việc sử dụng các giống cây trồng và vật nuôi có đặc điểm đa dạng di truyền cao, khả năng kháng bệnh và tuổi thọ cao;

(f) xem xét các đặc tính của hệ thống sản xuất hữu cơ cụ thể khi lựa chọn giống cây trồng, đặc biệt là hiệu suất nông học, khả năng kháng bệnh, khả năng thích nghi với các điều kiện đất đai và khí hậu địa phương khác nhau và có tính đến các rào cản giao thoa tự nhiên;

(g) việc sử dụng vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ, chẳng hạn như vật liệu sinh sản thực vật của vật liệu hữu cơ không đồng nhất và các giống hữu cơ phù hợp cho sản xuất hữu cơ;

h) Sản xuất các giống hữu cơ bằng cách sử dụng khả năng sinh sản tự nhiên và tập trung vào việc duy trì các rào cản lai tạo tự nhiên;

(i) không ảnh hưởng đến Điều 14 của Quy định (EC) số 2100/94 và các quyền về giống cây trồng được các quốc gia thành viên cấp theo luật quốc gia, khả năng cho nông dân sử dụng vật liệu sinh sản cây trồng thu được từ trang trại của họ để phát triển nguồn gen thích ứng với các điều kiện cụ thể của sản xuất hữu cơ;

j) Khi lựa chọn giống vật nuôi, cần xem xét đến mức độ đa dạng di truyền cao, khả năng thích nghi của vật nuôi với điều kiện địa phương, giá trị giống, tuổi thọ, sức sống và khả năng kháng bệnh hoặc các vấn đề sức khỏe;

k) tiến hành sản xuất chăn nuôi phù hợp với điều kiện địa phương và gắn liền với đất nông nghiệp;

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



(l) áp dụng các biện pháp chăn nuôi nhằm tăng cường hệ miễn dịch và khả năng phòng vệ tự nhiên chống lại bệnh tật, bao gồm đảm bảo cho động vật được vận động thường xuyên và tiếp cận với các khu vực ngoài trời và đồng cỏ;

m) Cho gia súc ăn thức ăn hữu cơ bao gồm các thành phần có nguồn gốc nông nghiệp thu được từ sản xuất hữu cơ và các chất tự nhiên không có nguồn gốc nông nghiệp;

n) Sản xuất các sản phẩm hữu cơ có nguồn gốc động vật từ động vật được nuôi trong các trang trại hữu cơ suốt đời, từ khi sinh ra hoặc nở;

o) Duy trì sức khỏe của môi trường thủy sinh và chất lượng của các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước xung quanh trong sản xuất nuôi trồng thủy sản;

(p) cho sinh vật thủy sinh ăn thức ăn có nguồn gốc từ khai thác bền vững nguồn tài nguyên thủy sản theo Quy định (EU) số 1380/2013 hoặc thức ăn hữu cơ bao gồm các thành phần nông nghiệp từ sản xuất hữu cơ, bao gồm nuôi trồng thủy sản hữu cơ và các chất tự nhiên không phải nông nghiệp;

q) Tránh mọi mối đe dọa đối với các loài được bảo vệ có thể phát sinh từ sản xuất hữu cơ.

Điều 7 - Các quy định cụ thể áp dụng cho việc chế biến thực phẩm hữu cơ

Việc sản xuất thực phẩm chế biến hữu cơ dựa trên các nguyên tắc chi tiết sau:

a) Sản xuất thực phẩm hữu cơ từ nguyên liệu nông nghiệp hữu cơ;

(b) hạn chế tối đa việc sử dụng phụ gia thực phẩm, các thành phần phi hữu cơ chủ yếu thực hiện các chức năng công nghệ và cảm quan, cũng như các nguyên tố vi lượng và chất hỗ trợ chế biến, và chỉ trong trường hợp cần thiết về mặt công nghệ hoặc vì mục đích dinh dưỡng cụ thể;

c) Loại trừ các chất và phương pháp chế biến có thể gây hiểu nhầm về bản chất thực sự của sản phẩm;

d) Chế biến thực phẩm hữu cơ cẩn thận, tốt nhất là sử dụng các phương pháp sinh học, cơ học và vật lý;

(e) loại trừ thực phẩm có chứa hoặc bao gồm các vật liệu nano được chế tạo.

Điều 8 - Các quy định cụ thể áp dụng cho việc chế biến thức ăn chăn nuôi hữu cơ

Việc sản xuất thức ăn chăn nuôi hữu cơ chế biến dựa trên các nguyên tắc chi tiết sau:

a) Sản xuất thức ăn hữu cơ từ nguyên liệu thức ăn hữu cơ;

(b) hạn chế việc sử dụng phụ gia thức ăn và chất hỗ trợ chế biến ở mức tối thiểu và chỉ trong trường hợp cần thiết về mặt công nghệ hoặc chăn nuôi hoặc vì mục đích dinh dưỡng cụ thể;

c) Loại trừ các chất và phương pháp chế biến có thể gây hiểu nhầm về bản chất thực sự của sản phẩm;

d) Xử lý cẩn thận thức ăn hữu cơ, tốt nhất là sử dụng các phương pháp sinh học, cơ học và vật lý.

Các điều khoản liên quan đến từng quy tắc riêng lẻ được nêu trong Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 và quy định cụ thể như sau:

CÁC QUY ĐỊNH SẢN XUẤT CHI TIẾT ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CHƯƠNG III của Quy định (EU) 2018/848.

Phần I: Quy định về sản xuất cây trồng

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



Ngoài các quy định về sản xuất được nêu trong Điều 9 đến Điều 12, các quy định được nêu trong Phần này cũng áp dụng cho sản xuất cây trồng hữu cơ.

1. Yêu cầu chung

1.1 Các loại cây trồng hữu cơ, ngoại trừ những loại cây trồng phát triển tự nhiên trong nước, được sản xuất trên đất sống hoặc đất sống được trộn lẫn hoặc bón phân bằng các vật liệu và sản phẩm được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ kết hợp với đất tầng dưới và đá gốc.

1.2. Việc sản xuất thủy canh, tức là phương pháp trồng các loại cây không sinh trưởng tự nhiên trong nước, mà rễ cây chỉ nằm trong dung dịch dinh dưỡng hoặc trong môi trường trơ có bổ sung chất dinh dưỡng, bị nghiêm cấm.

1.3 Ngoài lệ so với điểm 1.1, các hành vi sau đây được cho phép:

(a) việc sản xuất hạt nảy mầm, bao gồm mầm, chồi và cái xoong, chỉ sử dụng nguồn dinh dưỡng dự trữ có sẵn trong hạt bằng cách làm ẩm chúng trong nước sạch, với điều kiện hạt là hạt hữu cơ. Việc sử dụng môi trường trồng trọt bị cấm, ngoại trừ môi trường trơ chỉ nhằm mục đích giữ ẩm cho hạt, trong trường hợp các thành phần của môi trường trơ đó được cho phép theo Điều 24;

(b) thu hoạch búp rau diếp xoắn, kể cả bằng cách nhúng chúng vào nước sạch, với điều kiện vật liệu sinh sản của cây là hữu cơ. Việc sử dụng môi trường trồng chỉ được phép nếu các thành phần của nó được cho phép theo Điều 24.

1.4. Ngoài lệ so với điểm 1.1, các hành vi sau đây được cho phép:

a) Việc trồng các loại cây cảnh và cây thảo mộc trong chậu để bán cho người tiêu dùng cuối cùng cùng với chậu;

b) Trồng cây con hoặc ươm cây con trong chậu để chuẩn bị cấy ghép sau này.

1.5. Ngoài lệ so với điểm 1.1, việc canh tác không dùng đất trên luống cao chỉ được phép ở những khu vực đã được chứng nhận hữu cơ cho phương pháp này trước ngày 28 tháng 6 năm 2017 tại Phần Lan, Thụy Điển và Đan Mạch. Không được phép mở rộng các khu vực này.

Việc miễn trừ này sẽ hết hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2031.

Trước ngày 31 tháng 12 năm 2026, Ủy ban sẽ đệ trình báo cáo lên Nghị viện châu Âu và Hội đồng về việc sử dụng phương pháp canh tác không dùng đất trong các luống đất cao trong nông nghiệp hữu cơ.

Nếu phù hợp, báo cáo này có thể kèm theo một đề xuất lập pháp về canh tác không dùng đất trên luống cao trong nông nghiệp hữu cơ.

1.6. Tất cả các kỹ thuật sản xuất thực vật được sử dụng phải ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tối đa tác động gây ô nhiễm môi trường.

1.7. Chuyển đổi

1.7.1. Để cây trồng và sản phẩm từ cây trồng được coi là hữu cơ, các quy định về sản xuất được nêu trong Quy chế này phải được áp dụng trên các thửa ruộng trong thời kỳ chuyển đổi ít nhất hai năm trước khi gieo trồng hoặc, đối với đồng cỏ hoặc cây thức ăn gia súc, ít nhất hai năm trước khi sử dụng chúng làm thức ăn hữu cơ hoặc, đối với cây trồng lâu năm không phải là cây thức ăn gia súc, ít nhất ba năm trước khi thu hoạch sản phẩm hữu cơ đầu tiên.

1.7.2. Trường hợp một khu vực hoặc một hoặc nhiều thửa đất trong khu vực đó bị ô nhiễm bởi các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ, cơ quan có thẩm quyền

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



Cơ quan có thẩm quyền có thể, đối với một khu vực hoặc thửa đất cụ thể, quyết định kéo dài thời gian chuyển đổi vượt quá thời gian được đề cập trong điểm 1.7.1.

1.7.3. Trong trường hợp xử lý bằng sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ, cơ quan có thẩm quyền sẽ yêu cầu thời gian chuyển đổi mới theo điểm 1.7.1.

Thời hạn này có thể được rút ngắn trong hai trường hợp sau:

(a) trong trường hợp xử lý bằng sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ như một phần của biện pháp kiểm soát dịch hại hoặc cỏ dại bắt buộc, bao gồm cả sinh vật kiểm dịch hoặc loài xâm lấn, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên liên quan;

(b) trong trường hợp điều trị bằng sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ như một phần của nghiên cứu khoa học được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên liên quan phê duyệt.

1.7.4. Trong các trường hợp được đề cập tại điểm 1.7.2 và 1.7.3, thời gian chuyển đổi sẽ được xác định dựa trên các yêu cầu sau:

(a) quá trình phân hủy sản phẩm hoặc chất liên quan phải đảm bảo rằng, sau thời gian chuyển đổi, không còn dư lượng đáng kể nào trong đất và, đối với cây trồng lâu năm, trong cây;

b) Các sản phẩm thu hoạch sau các phương pháp xử lý nêu trên không được phép đưa ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang trong quá trình chuyển đổi.

1.7.4.1. Các quốc gia thành viên phải thông báo cho Ủy ban và các quốc gia thành viên khác về bất kỳ quyết định nào mà họ đưa ra nhằm thiết lập các biện pháp bắt buộc liên quan đến việc xử lý bằng sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ.

1.7.4.2. Trong trường hợp xử lý bằng sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ, điểm 1.7.5(b) sẽ không áp dụng.

1.7.5. Đối với các khu vực liên quan đến sản xuất chăn nuôi hữu cơ:

(a) Các quy định về chuyển đổi áp dụng cho toàn bộ diện tích của đơn vị sản xuất nơi sản xuất thức ăn chăn nuôi.

(b) Mặc dù có quy định tại điểm (a), thời gian chuyển đổi có thể được rút ngắn xuống còn một năm đối với đồng cỏ và khu vực ngoài trời được sử dụng bởi các loài không ăn cỏ.

1.8. Nguồn gốc thực vật, bao gồm vật liệu sinh sản của thực vật

1.8.1. Chỉ được sử dụng vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ để sản xuất cây trồng và các sản phẩm thực vật khác ngoài vật liệu sinh sản thực vật.

1.8.2. Để thu được vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ dùng cho việc sản xuất các sản phẩm khác ngoài vật liệu sinh sản thực vật, cây mẹ và, nếu có, các cây khác dùng để sản xuất vật liệu sinh sản thực vật phải được sản xuất theo Quy định này trong ít nhất một thế hệ, hoặc, đối với cây trồng lâu năm, trong ít nhất một thế hệ trong hai mùa vụ.

1.8.3 Khi lựa chọn vật liệu sinh sản cây trồng hữu cơ, người vận hành nên ưu tiên vật liệu sinh sản cây trồng hữu cơ phù hợp với canh tác hữu cơ.

1.8.4. Trong trường hợp sản xuất các giống hữu cơ phù hợp với sản xuất hữu cơ, công tác chọn giống được thực hiện trong điều kiện hữu cơ và nhằm mục đích tăng cường đa dạng di truyền, dựa trên năng suất tự nhiên, cũng như hiệu quả nông học, khả năng kháng bệnh và khả năng thích ứng với các điều kiện đất đai và khí hậu địa phương khác nhau.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



Tất cả các phương pháp nhân giống, trừ những phương pháp dựa trên mô phân sinh của cây, đều phải tuân theo quy trình quản lý hữu cơ được chứng nhận.

1.8.5. Sử dụng vật liệu sinh sản thực vật đang trong quá trình chuyển hóa và không hữu cơ

1.8.5.1. Ngoại lệ so với điểm 1.8.1, nếu dữ liệu được thu thập trong cơ sở dữ liệu được đề cập trong Điều 26(1) hoặc các hệ thống được đề cập trong Điều 26(2) cho thấy rằng nhu cầu về chất lượng và/hoặc số lượng của người vận hành liên quan đến vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ phù hợp không được đáp ứng, người vận hành có thể sử dụng vật liệu sinh sản thực vật đang trong quá trình chuyển đổi theo điểm (a) của tiểu đoạn thứ hai của Điều 10(4) hoặc vật liệu sinh sản thực vật được cho phép theo điểm 1.8.6.

Ngoài ra, trong trường hợp không có sẵn cây giống hữu cơ, 'cây giống đang trong quá trình chuyển đổi' được đưa ra thị trường theo điểm (a) của tiểu đoạn thứ hai của Điều 10(4) có thể được sử dụng nếu chúng được trồng như sau:

(a) trong một chu kỳ sinh trưởng từ hạt giống đến cây con cuối cùng kéo dài ít nhất 12 tháng trên một thửa đất nông nghiệp mà trong cùng thời gian đó, đã trải qua giai đoạn chuyển đổi kéo dài ít nhất 12 tháng; hoặc

(b) trên thửa đất nông nghiệp hữu cơ hoặc đang trong quá trình chuyển đổi hoặc trong thùng chứa, với điều kiện chúng thuộc diện miễn trừ được đề cập trong điểm 1.4, với điều kiện cây con có nguồn gốc từ hạt giống đang trong quá trình chuyển đổi được thu hoạch từ cây trồng trên thửa đất nông nghiệp đã trải qua thời gian chuyển đổi ít nhất 12 tháng.

Trường hợp không có đủ vật liệu nhân giống thực vật hữu cơ hoặc đang trong quá trình chuyển đổi hoặc vật liệu nhân giống thực vật được phép sử dụng theo điểm 1.8.6 với chất lượng hoặc số lượng đủ để đáp ứng nhu cầu của người vận hành, cơ quan có thẩm quyền có thể cho phép sử dụng vật liệu nhân giống thực vật phi hữu cơ, tuân theo các điểm từ 1.8.5.3 đến 1.8.5.8.

Giấy phép cá nhân như vậy chỉ được cấp trong một trong các trường hợp sau:

(a) nếu không có giống loài mà người vận hành muốn có được đăng ký trong cơ sở dữ liệu được đề cập trong Điều 26(1) hoặc hệ thống được đề cập trong Điều 26(2);

(b) nếu không có nhà cung cấp nào đưa vật liệu sinh sản thực vật ra thị trường có thể cung cấp vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ phù hợp hoặc vật liệu sinh sản thực vật đang trong quá trình chuyển đổi hoặc vật liệu sinh sản thực vật được phép theo điểm 1.8.6 kịp thời để gieo trồng, với điều kiện người sử dụng đã đặt hàng vật liệu sinh sản thực vật trong một khoảng thời gian hợp lý để chuẩn bị và giao vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ hoặc vật liệu sinh sản thực vật đang trong quá trình chuyển đổi hoặc vật liệu sinh sản thực vật được phép theo điểm 1.8.6;

(c) nếu giống mà người vận hành muốn có được không được đăng ký là vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ hoặc đang trong quá trình chuyển đổi hoặc vật liệu sinh sản thực vật được chấp nhận theo điểm 1.8.6 trong cơ sở dữ liệu được đề cập trong Điều 26(1) hoặc trong các chương trình được đề cập trong Điều 26(2), và người vận hành có thể chứng minh rằng không có giống thay thế nào được đăng ký của cùng loài là phù hợp, đặc biệt là về điều kiện nông học và khí hậu đất đai và các đặc tính công nghệ cần thiết, cho sản lượng dự định đạt được;

(d) trong trường hợp vật liệu đó được chứng minh là phù hợp để sử dụng trong nghiên cứu, thử nghiệm thực địa quy mô nhỏ, bảo tồn giống hoặc đổi mới sản phẩm sau khi được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên liên quan phê duyệt.

Trước khi nộp đơn xin cấp phép như vậy, các nhà điều hành phải tham khảo cơ sở dữ liệu được đề cập trong Điều 26(1) hoặc các hệ thống được đề cập trong Điều 26(2) để xác minh xem vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ hoặc đang chuyển đổi phù hợp hoặc vật liệu sinh sản thực vật được cấp phép theo điểm 1.8.6 có sẵn hay không và do đó liệu đơn xin của họ có hợp lý hay không.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



Khi đáp ứng các yêu cầu của Điều 6(i), các nhà điều hành có thể sử dụng cả vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ và đang chuyển đổi thu được từ trang trại của họ, bất kể tính sẵn có về chất lượng và số lượng theo cơ sở dữ liệu được đề cập trong Điều 26(1) hoặc hệ thống được đề cập trong Điều 26(2)(a).

1.8.5.2. Ngoại lệ so với điểm 1.8.1, các nhà điều hành ở nước thứ ba có thể sử dụng vật liệu sinh sản thực vật đang trong quá trình chuyển đổi theo điểm (a) của tiêu đoạn thứ hai của Điều 10(4) hoặc vật liệu sinh sản thực vật được cho phép theo điểm 1.8.6, nếu vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ, vì những lý do chính đáng, không có sẵn với chất lượng hoặc số lượng đủ trong lãnh thổ của nước thứ ba nơi nhà điều hành đặt trụ sở.

Không ảnh hưởng đến các quy định quốc gia có liên quan, các nhà điều hành ở các nước thứ ba có thể sử dụng cả vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ và đang trong quá trình chuyển đổi thu được từ trang trại của chính họ.

Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46(1) có thể cho phép các nhà điều hành ở nước thứ ba sử dụng vật liệu sinh sản thực vật không hữu cơ trong đơn vị sản xuất hữu cơ khi vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ hoặc đang trong quá trình chuyển đổi hoặc vật liệu sinh sản thực vật được cho phép theo điểm 1.8.6 không có sẵn với chất lượng hoặc số lượng đủ trong lãnh thổ của nước thứ ba nơi nhà điều hành đặt trụ sở theo các điều kiện quy định tại các điểm 1.8.5.3, 1.8.5.4, 1.8.5.5 và 1.8.5.8.

1.8.5.3. Vật liệu sinh sản thực vật không hữu cơ không được xử lý sau khi thu hoạch bằng các sản phẩm bảo vệ thực vật khác với những sản phẩm được phép xử lý vật liệu sinh sản thực vật theo Điều 24(1) của Quy định này, trừ khi việc xử lý hóa học được khuyến nghị theo Quy định (EU) 2016/2031 cho mục đích kiểm dịch thực vật bởi các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên liên quan đối với tất cả các giống và vật liệu không đồng nhất của một loài nhất định trong khu vực nơi vật liệu sinh sản thực vật sẽ được sử dụng.

Trường hợp sử dụng vật liệu sinh sản thực vật phi hữu cơ đã được xử lý hóa chất theo khuyến nghị như đề cập trong tiêu đoạn đầu tiên, thì thửa đất trồng vật liệu sinh sản thực vật đã qua xử lý đó, nếu có, phải tuân theo thời gian chuyển đổi được quy định trong điểm 1.7.3 và 1.7.4.

1.8.5.4. Phải được phép sử dụng vật liệu sinh sản thực vật phi hữu cơ trước khi gieo trồng.

1.8.5.5. Quyền sử dụng vật liệu nhân giống thực vật phi hữu cơ được cấp cho người sử dụng cá nhân theo hình thức một lần duy nhất trong một mùa vụ, và cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm tra hoặc đơn vị chịu trách nhiệm cấp phép phải lập danh sách số lượng vật liệu nhân giống thực vật được phép sử dụng.

1.8.5.6 Các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên sẽ lập danh sách chính thức các loài, phân loài hoặc giống (được nhóm lại khi thích hợp) mà đã xác định được rằng vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ hoặc vật liệu sinh sản thực vật đang trong quá trình chuyển đổi có sẵn với số lượng đủ và cho các giống liên quan trên lãnh thổ của họ. Không được cấp phép cho các loài, phân loài hoặc giống được liệt kê trong danh sách đó trên lãnh thổ của quốc gia thành viên liên quan theo điểm 1.8.5.1, trừ khi được biện minh bởi một trong các mục đích được đề cập trong điểm 1.8.5.1(d). Nếu số lượng hoặc chất lượng vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ hoặc vật liệu sinh sản thực vật đang trong quá trình chuyển đổi có sẵn cho một loài, phân loài hoặc giống được liệt kê cụ thể có vẻ không đủ hoặc không phù hợp do các trường hợp ngoại lệ, các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên có thể loại bỏ loài, phân loài hoặc giống đó khỏi danh sách.

Các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên sẽ cập nhật danh sách này hàng năm và công bố công khai.

Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, và lần đầu tiên vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên sẽ thông báo cho Ủy ban và các quốc gia thành viên khác đường dẫn đến trang web nơi có danh sách cập nhật. Ủy ban sẽ công bố các đường dẫn đến danh sách cập nhật quốc gia trên một trang web chuyên dụng.

1.8.5.7. Ngoại lệ so với điểm 1.8.5.5, các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên có thể cấp giấy phép chung cho tất cả các thực thể có liên quan hàng năm để sử dụng:

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



(a) một loài hoặc phân loài nhất định, trừ khi giống đã được đăng ký trong cơ sở dữ liệu được đề cập trong Điều 26(1) hoặc hệ thống được đề cập trong Điều 26(2)(a);

(b) một giống nhất định, với điều kiện là các điều kiện được nêu trong điểm 1.8.5.1(c) được đáp ứng.

Trường hợp sử dụng giấy phép chung, người vận hành phải lưu giữ hồ sơ về số lượng đã sử dụng và cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải lập danh sách số lượng vật liệu sinh sản thực vật phi hữu cơ được phép sử dụng.

Các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên sẽ cập nhật hàng năm và công bố công khai danh sách các loài, phân loài và biến thể đã được cấp phép chung.

Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, và lần đầu tiên vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên sẽ thông báo cho Ủy ban và các quốc gia thành viên khác đường dẫn đến trang web nơi có danh sách cập nhật. Ủy ban sẽ công bố các đường dẫn đến danh sách cập nhật quốc gia trên một trang web chuyên dụng.

1.8.5.8. Cơ quan có thẩm quyền không được phép sử dụng cây giống không hữu cơ cho cây giống của các loài có chu kỳ canh tác kéo dài một mùa vụ, từ khi cấy cây con đến khi thu hoạch sản phẩm đầu tiên.

1.8.6. Các cơ quan có thẩm quyền hoặc, nếu có, các cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46(1) có thể cho phép các nhà sản xuất vật liệu sinh sản thực vật để sử dụng trong sản xuất hữu cơ sử dụng vật liệu sinh sản thực vật không hữu cơ trong trường hợp cây mẹ hoặc, nếu có, các cây khác dùng để sản xuất vật liệu sinh sản thực vật và được sản xuất theo điểm 1.8.2 không có đủ chất lượng hoặc số lượng, và đưa vật liệu đó ra thị trường để sử dụng trong sản xuất hữu cơ, với điều kiện đáp ứng các điều kiện sau:

(a) Vật liệu sinh sản thực vật phi hữu cơ không được xử lý sau thu hoạch bằng các sản phẩm bảo vệ thực vật khác với những sản phẩm được phép theo Điều 24(1) của Quy định này, trừ khi việc xử lý hóa học được khuyến nghị theo Quy định (EU) 2016/2031 cho mục đích kiểm dịch thực vật bởi các cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia thành viên liên quan đối với tất cả các giống và vật liệu không đồng nhất của một loài nhất định trong khu vực nơi vật liệu sinh sản thực vật sẽ được sử dụng. Trường hợp sử dụng vật liệu sinh sản thực vật phi hữu cơ được xử lý hóa học theo khuyến nghị, thửa đất nông nghiệp nơi trồng vật liệu sinh sản thực vật đã xử lý sẽ phải tuân theo, nếu có, thời gian chuyển đổi được quy định trong điểm 1.7.3 và 1.7.4;

b) Vật liệu sinh sản thực vật phi hữu cơ được sử dụng không phải là cây con của loài có chu kỳ canh tác kéo dài một mùa vụ, từ khi cấy cây con đến khi thu hoạch sản phẩm đầu tiên;

(c) vật liệu sinh sản thực vật được trồng theo tất cả các yêu cầu liên quan khác đối với sản xuất thực vật hữu cơ;

(d) Phải xin phép sử dụng vật liệu sinh sản thực vật không hữu cơ trước khi gieo trồng vật liệu đó;

(e) Các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan chứng nhận chịu trách nhiệm cấp phép chỉ được cấp phép cho từng người dùng trong một mùa vụ tại một thời điểm và phải liệt kê số lượng vật liệu sinh sản thực vật được phép;

(f) Ngoài lệ so với điểm (e), các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên có thể cấp phép chung hàng năm cho việc sử dụng một loài, phân loài hoặc giống vật liệu sinh sản thực vật phi hữu cơ nhất định và phải lập một danh sách công khai các loài, phân loài hoặc giống liên quan và cập nhật danh sách đó hàng năm. Trong trường hợp đó, các cơ quan có thẩm quyền phải quy định số lượng vật liệu sinh sản thực vật phi hữu cơ được phép sử dụng;

(g) Các giấy phép được cấp theo tiêu khoản này sẽ hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2036.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, và lần đầu tiên trước ngày 30 tháng 6 năm 2023, các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên sẽ thông báo cho Ủy ban và các quốc gia thành viên khác về các giấy phép được cấp theo quy định tại khoản thứ nhất.

Các nhà điều hành sản xuất và đưa ra thị trường vật liệu sinh sản thực vật được sản xuất theo tiêu chuẩn đầu tiên được phép công khai, trên cơ sở tự nguyện, các chi tiết thích hợp về tính sẵn có của vật liệu sinh sản thực vật đó trong hệ thống quốc gia được thiết lập theo Điều 26(2).

Các nhà điều hành lựa chọn đưa thông tin này vào phải đảm bảo rằng thông tin đó được cập nhật thường xuyên và xóa khỏi hệ thống quốc gia ngay khi vật liệu sinh sản thực vật không còn nữa.

Khi quyền hạn chung được đề cập trong điểm (f) được áp dụng, người vận hành phải ghi lại số lượng đã sử dụng.

1.9. Quản lý đất và bón phân

1.9.1. Trong sản xuất cây trồng hữu cơ, các biện pháp canh tác được sử dụng nhằm duy trì hoặc gia tăng chất hữu cơ trong đất, tăng cường độ ổn định và đa dạng sinh học của đất, đồng thời ngăn ngừa hiện tượng đất bị nén chặt và xói mòn.

1.9.2. Độ phì nhiêu của đất và hoạt động sinh học được duy trì và gia tăng: a)

ngoại trừ đồng cỏ và cây thức ăn gia súc lâu năm - bằng cách áp dụng

Luân canh cây trồng nhiều năm, bao gồm việc bắt buộc trồng các loại cây họ đậu làm cây chính hoặc cây che phủ trong chu kỳ luân canh và các loại cây phân xanh khác;

(b) trong trường hợp nhà kính hoặc cây trồng lâu năm không phải là cây thức ăn gia súc, bằng cách sử dụng cây phân xanh ngắn hạn và cây họ đậu, và bằng cách sử dụng đa dạng thực vật; và

c) Trong mọi trường hợp - bằng cách sử dụng phân chuồng hoặc chất hữu cơ, tốt nhất là phân ủ từ sản xuất hữu cơ.

1.9.3. Trường hợp nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng không thể được đáp ứng bằng các biện pháp quy định tại điểm 1.9.1 và 1.9.2, chỉ được phép sử dụng các loại phân bón và chất cải tạo đất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24, và chỉ được sử dụng trong phạm vi cần thiết. Người sản xuất phải lưu giữ hồ sơ về việc sử dụng các sản phẩm này, bao gồm ngày hoặc các ngày sử dụng từng sản phẩm, tên sản phẩm, số lượng sử dụng và tên cây trồng cũng như thửa ruộng đã sử dụng sản phẩm.

1.9.4. Tổng lượng phân gia súc từ vật nuôi, được định nghĩa trong Chỉ thị 91/676/EEC của Hội đồng, được sử dụng trên các đơn vị sản xuất chuyển đổi và hữu cơ phải đảm bảo lượng nitơ không vượt quá 170 kg/năm/ha diện tích đất nông nghiệp sử dụng. Giới hạn này chỉ áp dụng cho việc sử dụng phân chuồng, phân chuồng khô và phân gia cầm đã khử nước, phân động vật ủ, bao gồm cả phân gia cầm, phân chuồng ủ và phân động vật dạng lỏng.

1.9.5. Chủ trang trại chỉ được phép ký kết thỏa thuận hợp tác bằng văn bản về việc bón phân dư thừa từ các đơn vị sản xuất hữu cơ với chủ trang trại và doanh nghiệp khác tuân thủ các quy định về sản xuất hữu cơ. Giới hạn tối đa nêu tại điểm 1.9.4 được tính toán dựa trên tất cả các đơn vị sản xuất hữu cơ tham gia vào sự hợp tác đó.

1.9.6. Để cải thiện tình trạng tổng thể của đất hoặc để cải thiện khả năng hấp thụ chất dinh dưỡng trong đất hoặc trong cây trồng, có thể sử dụng các chế phẩm vi sinh vật.

1.9.7. Có thể sử dụng các chế phẩm có nguồn gốc thực vật và chế phẩm vi sinh vật thích hợp để kích hoạt phân ủ.

1.9.8. Không sử dụng phân bón nitơ khoáng.

1.9.9. Có thể sử dụng các chế phẩm sinh học.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong
nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



1.10. Phòng chống sâu bệnh và cỏ dại

1.10.1. Phòng ngừa thiệt hại do sâu bệnh và cỏ dại gây ra chủ yếu bao gồm các biện pháp bảo vệ như sau:

- kẻ thù tự nhiên của chúng,
- lựa chọn các loài, giống và vật liệu không đồng nhất,
- luân canh cây trồng,
- các kỹ thuật canh tác như khử trùng sinh học, các phương pháp cơ học và vật lý, và
- Các quy trình nhiệt như khử trùng bằng năng lượng mặt trời và, đối với cây trồng trong nhà kính, xử lý đất bằng hơi nước ở độ sâu nông (tối đa 10 cm).

1.10.2. Trường hợp cây trồng không thể được bảo vệ đầy đủ khỏi sâu bệnh bằng các biện pháp quy định tại điểm 1.10.1, hoặc trong trường hợp có nguy cơ đã được xác định đối với cây trồng, chỉ được sử dụng các sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 9 và Điều 24, và chỉ trong phạm vi cần thiết. Người sản xuất phải lưu giữ hồ sơ chứng minh sự cần thiết phải sử dụng các sản phẩm đó, bao gồm ngày hoặc các ngày sử dụng từng sản phẩm, tên sản phẩm, các hoạt chất có trong sản phẩm, lượng sử dụng và các loại cây trồng và thửa ruộng liên quan, cũng như các loại sâu bệnh cần được phòng trừ.

1.10.3. Đối với các sản phẩm và chất được sử dụng trong bẫy hoặc thiết bị phân phối sản phẩm và chất khác ngoài pheromone, các bẫy hoặc thiết bị phân phối này phải ngăn chặn các sản phẩm và chất đó xâm nhập vào môi trường và tiếp xúc với cây trồng. Tất cả các bẫy, kể cả những bẫy chứa pheromone, phải được thu gom sau khi sử dụng và xử lý an toàn.

1.11. Các sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng

Để làm sạch và khử trùng trong sản xuất thực vật, chỉ được sử dụng các sản phẩm được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24. Người vận hành phải lưu giữ hồ sơ về việc sử dụng các sản phẩm này, bao gồm ngày hoặc các ngày sử dụng mỗi sản phẩm, tên sản phẩm, các hoạt chất có trong đó và địa điểm sử dụng.

1.12. Nghĩa vụ lưu giữ tài liệu

Các nhà điều hành phải lưu giữ hồ sơ về các thửa ruộng liên quan và năng suất. Đặc biệt, các nhà điều hành phải lưu giữ hồ sơ về bất kỳ biện pháp hỗ trợ bên ngoài nào khác được áp dụng cho mỗi thửa ruộng và, nếu có, hồ sơ về bất kỳ sự miễn trừ nào đối với các quy tắc sản xuất được cấp theo điểm 1.8.5.

1.13. Chuẩn bị sản phẩm chưa qua chế biến

Trường hợp các hoạt động chuẩn bị khác ngoài quá trình chế biến được thực hiện tại nhà máy, các yêu cầu chung được quy định tại Phần IV, điểm 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 và 2.2.3 sẽ được áp dụng tương ứng cho các hoạt động đó.

2. Quy định chi tiết về từng loại cây và sản phẩm thực vật.

2.1. Quy định về sản xuất nấm

Trong trường hợp trồng nấm, chỉ được phép sử dụng các loại giá thể có chứa các thành phần sau:

a) Phân và phân động vật:

- (i) hoặc từ các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc từ các đơn vị đang trong năm thứ hai chuyển đổi; hoặc

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



(ii) được đề cập trong điểm 1.9.3, chỉ khi sản phẩm được đề cập trong điểm (i) không có sẵn và với điều kiện trọng lượng của phân chuồng và chất thải động vật đó trước khi ủ không vượt quá 25% tổng trọng lượng của tất cả các thành phần của chất nền, không bao gồm vật liệu phủ và bất kỳ lượng nước nào được thêm vào;

- (b) các sản phẩm có nguồn gốc nông nghiệp khác với những sản phẩm được đề cập ở điểm (a) có nguồn gốc từ các đơn vị sản xuất hữu cơ;
- c) Than bùn chưa qua xử lý hóa học;
- d) Gỗ không được tẩm hóa chất sau khi đốn hạ;
- e) các sản phẩm khoáng chất được đề cập trong điểm 1.9.3, nước và đất.

2.2. Quy định về việc thu hái thực vật hoang dã

Việc thu hái các loại cây dại và các bộ phận của chúng mọc tự nhiên trong các khu vực tự nhiên, rừng và khu vực nông nghiệp được coi là sản xuất hữu cơ với điều kiện:

- (a) những khu vực đó không được xử lý, trong thời gian ít nhất ba năm trước khi thu hoạch, bằng các sản phẩm hoặc chất khác với những sản phẩm hoặc chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 9 và Điều 24;
- b) Việc thu thập không ảnh hưởng đến sự cân bằng của môi trường sống tự nhiên hoặc việc duy trì các loài trong khu vực thu thập.

Người khai thác phải lưu giữ hồ sơ về thời gian và địa điểm thu hái, loài thực vật và số lượng thực vật hoang dã thu hái được.

Phần II: Quy định về chăn nuôi

Ngoài các quy định về sản xuất được nêu trong Điều 9, 10, 11 và 14, các quy định được nêu trong Phần này cũng áp dụng cho sản xuất chăn nuôi hữu cơ.

1. Yêu cầu chung

1.1. Ngoài trừ trường hợp nuôi ong, việc chăn nuôi gia súc không có đất bị cấm nếu người nông dân có ý định tham gia chăn nuôi gia súc hữu cơ không quản lý đất nông nghiệp hoặc không ký kết thỏa thuận hợp tác bằng văn bản với nông dân khác về việc sử dụng các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc các đơn vị sản xuất đang chuyển đổi để chăn nuôi gia súc.

Các nhà điều hành phải lưu giữ hồ sơ về bất kỳ sự miễn trừ nào đối với các quy tắc sản xuất chăn nuôi được thực hiện theo các điểm 1.3.4.3, 1.3.4.4, 1.7.5, 1.7.8, 1.9.3.1(c) và 1.9.4.2(c).

1.2. Chuyển đổi

1.2.1. Trường hợp việc chuyển đổi một đơn vị sản xuất, bao gồm đồng cỏ hoặc bất kỳ vùng đất nào được sử dụng để sản xuất thức ăn chăn nuôi, và các động vật hiện có trên đơn vị sản xuất đó vào đầu kỳ chuyển đổi của đơn vị sản xuất đó như được đề cập trong điểm 1.7.1 và 1.7.5 (b) của Phần I bắt đầu cùng một lúc, thì các động vật và sản phẩm động vật đó có thể được coi là hữu cơ vào cuối kỳ chuyển đổi của đơn vị sản xuất đó, ngay cả khi kỳ chuyển đổi được quy định trong điểm 1.2.2 của Phần này đối với loại động vật liên quan dài hơn kỳ chuyển đổi của đơn vị sản xuất.

Theo ngoại lệ so với điểm 1.4.3.1, trong trường hợp chuyển đổi đồng thời và trong thời gian chuyển đổi của một đơn vị sản xuất, các động vật hiện có trong đơn vị sản xuất đó kể từ đầu thời kỳ chuyển đổi có thể được cho ăn thức ăn trong quá trình chuyển đổi được sản xuất trong đơn vị sản xuất đang chuyển đổi trong năm đầu tiên chuyển đổi hoặc thức ăn theo điểm 1.4.3.1 hoặc thức ăn hữu cơ.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



Động vật không phải hữu cơ có thể được đưa vào đơn vị sản xuất trong quá trình chuyển đổi sau khi bắt đầu giai đoạn chuyển đổi theo điểm 1.3.4.

1.2.2. Các giai đoạn chuyển đổi cụ thể cho các dây chuyền sản xuất chăn nuôi được xác định như sau:

- a) 12 tháng đối với gia súc thuộc họ bò và ngựa dùng để sản xuất thịt, và trong mọi trường hợp không ít hơn ba phần tư vòng đời của chúng;
- b) sáu tháng - đối với cừu, dê, lợn và các động vật dùng để sản xuất sữa;
- c) 10 tuần - đối với gia cầm dùng để sản xuất thịt, ngoại trừ vịt Bắc Kinh, được đưa vào nuôi khi chưa đầy ba ngày tuổi;
- d) bảy tuần - trong trường hợp vịt Bắc Kinh được thả vào đàn khi chưa đầy ba ngày tuổi;
- e) sáu tuần - trong trường hợp gia cầm dùng để sản xuất trứng được đưa vào nuôi khi chưa đầy ba ngày tuổi;
- f) 12 tháng - trong trường hợp của ong.

Trong giai đoạn chuyển đổi, sáp ong nên được thay thế bằng sáp ong từ phương pháp nuôi ong hữu cơ.

Tuy nhiên, có thể sử dụng sáp ong không hữu cơ:

- (i) trong trường hợp sáp ong từ nuôi ong hữu cơ không có sẵn trên thị trường;
- (ii) trong trường hợp đã được chứng minh là không bị nhiễm bẩn bởi các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ; và
- (iii) với điều kiện là nó đến từ tổ ong;
- g) ba tháng - trong trường hợp của thỏ;
- h) 12 tháng - đối với các loài hươu nai.

1.3. Nguồn gốc động vật

1.3.1 Không ảnh hưởng đến các quy định về chuyển đổi, động vật hữu cơ phải được sinh ra hoặc ấp nở và nuôi dưỡng trong các đơn vị sản xuất hữu cơ.

1.3.2. Về chăn nuôi hữu cơ:

- a) Các phương pháp sinh sản tự nhiên được sử dụng; thụ tinh nhân tạo được cho phép;
- (b) việc sinh sản không bị kích thích hoặc ức chế bởi việc sử dụng hormone hoặc các chất khác có tác dụng tương tự, trừ khi đây là một hình thức điều trị thú y được áp dụng cho một cá thể động vật;
- (c) các hình thức sinh sản nhân tạo khác, chẳng hạn như nhân bản và cấy ghép phôi, không được sử dụng;
- d) Khi lựa chọn giống, cần xem xét đến sự phù hợp của chúng với sản xuất hữu cơ và khả năng đảm bảo phúc lợi động vật cao. Việc lựa chọn giống giúp ngăn ngừa bất kỳ sự đau khổ nào cho động vật và tránh việc phải cắt xẻo bộ phận cơ thể.

1.3.3. Khi lựa chọn giống hoặc dòng, cần ưu tiên các giống hoặc dòng có tính đa dạng di truyền cao, có tính đến khả năng thích nghi của động vật với điều kiện địa phương, giá trị giống, tuổi thọ, sức sống và khả năng kháng bệnh hoặc các vấn đề sức khỏe mà không ảnh hưởng đến phúc lợi của chúng. Hơn nữa, khi lựa chọn giống hoặc dòng, cần cân nhắc tránh các bệnh hoặc vấn đề sức khỏe cụ thể liên quan đến một số giống hoặc dòng được sử dụng trong sản xuất thâm canh, chẳng hạn như hội chứng căng thẳng ở lợn (PSE), có thể dẫn đến thịt nhạt màu, mềm, chảy nước (PSE), cũng như chết đột ngột, sảy thai tự nhiên và sinh khó cần phải mổ lấy thai.

Nên ưu tiên các giống và dòng giống bản địa.

Để lựa chọn giống và dòng theo tiêu đoạn đầu tiên, người vận hành phải sử dụng thông tin có sẵn trong các hệ thống được đề cập trong Điều 26(3).

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



1.3.4. Sử dụng động vật không phải hữu cơ

1.3.4.1. Ngoại lệ so với điểm 1.3.1, vì mục đích chăn nuôi, động vật được nuôi không theo phương pháp hữu cơ có thể được đưa vào đơn vị sản xuất hữu cơ nếu các giống vật nuôi đó có nguy cơ bị mất đi trong chăn nuôi như đã đề cập tại điểm (b) của Điều 28(10) của Quy định (EU) số 1305/2013 và các văn bản được thông qua trên cơ sở đó. Trong trường hợp đó, động vật thuộc các giống này không nhất thiết phải là động vật chưa sinh sản.

1.3.4.2. Ngoại lệ so với điểm 1.3.1, trong quá trình cải tạo trại ong tại đơn vị sản xuất hữu cơ, mỗi năm có thể thay thế 20% số ong chúa và đàn ong bằng ong chúa và đàn ong không hữu cơ, với điều kiện ong chúa và đàn ong được đặt trong các tổ ong có cầu ong hoặc tấm sáp ong lấy từ đơn vị sản xuất hữu cơ. Trong mọi trường hợp, chỉ được phép thay thế một đàn ong hoặc một ong chúa bằng đàn ong hoặc ong chúa không hữu cơ một lần mỗi năm.

1.3.4.3. Ngoại lệ so với điểm 1.3.1, khi một đàn gia cầm được thành lập lần đầu tiên, hoặc được gia hạn hoặc tái thành lập, và trong trường hợp không đáp ứng được nhu cầu về chất lượng và số lượng của người chăn nuôi, cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định cho phép đưa gia cầm không được nuôi theo phương pháp hữu cơ vào đơn vị sản xuất gia cầm hữu cơ, với điều kiện gà mái tơ dùng để sản xuất trứng và gia cầm dùng để sản xuất thịt phải dưới ba ngày tuổi. Sản phẩm sản xuất từ chúng chỉ được coi là hữu cơ nếu tuân thủ thời gian chuyển đổi quy định tại điểm 1.2.

1.3.4.4. Ngoại lệ so với điểm 1.3.1, khi dữ liệu thu thập được theo hệ thống đề cập tại Điều 26(2)(b) cho thấy nhu cầu về chất lượng hoặc số lượng của người nông dân đối với động vật hữu cơ không được đáp ứng, các cơ quan có thẩm quyền có thể cho phép đưa động vật không hữu cơ vào đơn vị sản xuất hữu cơ với điều kiện được quy định tại các điểm 1.3.4.4.1 đến 1.3.4.4.4.

Trước khi yêu cầu miễn trừ như vậy, người nông dân phải kiểm tra dữ liệu được thu thập theo hệ thống được đề cập trong Điều 26(2)(b) để xác minh xem yêu cầu của mình có hợp lý hay không.

Trong trường hợp các nhà điều hành ở nước thứ ba, các cơ quan kiểm soát và các tổ chức kiểm soát được công nhận theo Điều 46(1) có thể cho phép đưa động vật không hữu cơ vào đơn vị sản xuất hữu cơ khi động vật hữu cơ không có sẵn với chất lượng hoặc số lượng đủ trong lãnh thổ của quốc gia nơi nhà điều hành đặt trụ sở.

1.3.4.4.1. Để phục vụ mục đích nhân giống, khi mới thành lập đàn, các động vật có vú non không thuộc giống hữu cơ phải được nuôi dưỡng theo nguyên tắc sản xuất hữu cơ ngay sau khi cai sữa.

Ngoài ra, kể từ ngày đưa động vật vào đàn, các quy định sau đây sẽ được áp dụng:

- (a) Tuổi của gia súc thuộc họ bò, ngựa và hươu nai không quá sáu tháng;
- b) Tuổi của cừu và dê không quá 60 ngày;
- c) Trọng lượng của lợn không vượt quá 35 kg;
- d) Tuổi của thỏ không quá ba tháng.

1.3.4.4.2. Để phục vụ mục đích nhân giống, có thể đưa vào đàn những con vật đực và cái chưa sinh sản từ các đàn không hữu cơ khi bổ sung đàn. Sau đó, chúng được nuôi dưỡng theo quy định sản xuất hữu cơ. Hơn nữa, số lượng con cái phải tuân theo các hạn chế hàng năm sau:

- (a) Tối đa 10% số lượng động vật trưởng thành thuộc họ ngựa hoặc bò và 20% số lượng động vật trưởng thành thuộc họ lợn, cừu, dê, thỏ hoặc hươu nai có thể được đưa vào;
- (b) trong trường hợp các đơn vị có ít hơn 10 con ngựa, hươu nai hoặc bò hoặc thỏ, hoặc ít hơn năm con lợn, cừu hoặc dê, thì việc gia hạn sẽ bị giới hạn tối đa một con vật mỗi năm.

1.3.4.4.3. Tỷ lệ phần trăm quy định tại điểm 1.3.4.4.2 có thể được tăng lên 40% nếu cơ quan có thẩm quyền xác nhận rằng một trong các điều kiện sau đây được đáp ứng:

- a) Một đợt mở rộng đáng kể đã được tiến hành đối với trang trại;

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



b) Một chủng tộc đã được thay thế bởi một chủng tộc khác;

c) Một chuyên ngành mới trong chăn nuôi gia súc đã được phát triển.

1.3.4.4.4. Trong các trường hợp được đề cập tại điểm 1.3.4.4.1, 1.3.4.4.2 và 1.3.4.4.3, động vật không hữu cơ có thể được coi là hữu cơ khi tuân thủ thời gian chuyển đổi quy định tại Phần II, điểm 1.2 của Phụ lục này. Thời gian chuyển đổi quy định tại điểm 1.2.2 sẽ bắt đầu sớm nhất khi động vật được đưa vào đơn vị sản xuất trong quá trình chuyển đổi.

1.3.4.4.5. Trong các trường hợp được đề cập tại các điểm từ 1.3.4.4.1 đến 1.3.4.4.4, động vật không phải hữu cơ phải được nuôi tách biệt với các loại gia súc khác hoặc phải được nhận dạng trước khi kết thúc thời kỳ chuyển đổi được đề cập tại điểm 1.3.4.4.4.

1.3.4.5. Người điều hành phải lưu giữ các tài liệu hoặc giấy tờ hỗ trợ, bao gồm nguồn gốc động vật, nhận dạng động vật theo các hệ thống liên quan (cá thể hoặc lô/đàn/tổ), hồ sơ thú y của động vật được đưa vào trang trại, ngày đến và thời gian chuyển đổi.

1.4. Dinh dưỡng

1.4.1. Nhu cầu dinh dưỡng chung

Các quy định sau đây áp dụng cho dinh dưỡng:

(a) Thức ăn cho động vật nuôi phải được lấy chủ yếu từ trang trại nơi động vật được nuôi hoặc từ các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang trong quá trình chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ trên các trang trại khác trong cùng khu vực;

b) Vật nuôi được cho ăn thức ăn hữu cơ hoặc thức ăn đang trong giai đoạn chuyển hóa đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi ở các giai đoạn phát triển khác nhau. Chế độ ăn hạn chế không được phép trong chăn nuôi trừ khi có lý do thú y chính đáng;

(c) Việc nuôi nhốt động vật trang trại trong điều kiện có thể dẫn đến thiếu máu, hoặc cho chúng ăn chế độ ăn có thể gây ra tác dụng đó, đều bị cấm;

d) Việc vỗ béo phải luôn tuân theo chế độ ăn uống bình thường của từng loài và các nguyên tắc phúc lợi động vật ở mọi giai đoạn của quá trình chăn nuôi. Ép ăn động vật bị cấm;

(e) ngoại trừ ong, lợn và gia cầm, động vật nuôi trong trang trại phải được tiếp cận đồng cỏ thường xuyên bất cứ khi nào điều kiện cho phép, hoặc phải được tiếp cận thức ăn thô thường xuyên;

f) Không sử dụng chất kích thích tăng trưởng hoặc axit amin tổng hợp;

(g) trong thời kỳ bú sữa, động vật nên được cho ăn sữa mẹ trong một khoảng thời gian tối thiểu do ủy ban xác định theo Điều 14(3)(a); trong thời kỳ này, không được sử dụng sữa thay thế có chứa các thành phần tổng hợp hóa học hoặc các thành phần có nguồn gốc thực vật;

(h) Nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men phải là hữu cơ;

(i) Nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men, nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất, phụ gia thức ăn và chất hỗ trợ chế biến chỉ được sử dụng nếu chúng đã được cho phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24.

1.4.2. Chăn thả

1.4.2.1. Chăn thả trên đất hữu cơ

Không ảnh hưởng đến điểm 1.4.2.2, động vật hữu cơ được chăn thả trên đất hữu cơ.

Tuy nhiên, động vật không được nuôi theo phương pháp hữu cơ có thể sử dụng đồng cỏ hữu cơ trong một khoảng thời gian giới hạn mỗi năm, với điều kiện là chúng được nuôi dưỡng theo cách thân thiện với môi trường.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



các khu vực được hỗ trợ theo Điều 23, 25, 28, 30, 31 và 34 của Quy định (EU) số 1305/2013 và chúng không có mặt trên đất hữu cơ cùng lúc với động vật hữu cơ.

1.4.2.2. Chăn thả trên đất công cộng và trong các đợt thu gom gia súc

1.4.2.2.1. Động vật hữu cơ có thể được chăn thả trên đất công cộng với điều kiện:

(a) không có sản phẩm hoặc chất nào không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ đã được sử dụng trên đất công cộng trong ít nhất ba năm qua;

(b) động vật không hữu cơ sử dụng đất công được nuôi theo cách thân thiện với môi trường tại các khu vực được hỗ trợ theo Điều 23, 25, 28, 30, 31 và 34 của Quy định (EU) số 1305/2013;

(c) Các sản phẩm chăn nuôi được sản xuất từ động vật hữu cơ khi sử dụng đất chung sẽ không được coi là sản phẩm hữu cơ trừ khi có thể chứng minh được sự tách biệt đầy đủ với động vật không hữu cơ.

1.4.2.2.2. Trong thời gian tập trung chăn thả, động vật hữu cơ có thể chăn thả trên đất phi hữu cơ trong khi được lừa từ đồng cỏ này sang đồng cỏ khác. Trong thời gian này, động vật hữu cơ được tách biệt khỏi các động vật khác. Thức ăn phi hữu cơ dưới dạng cỏ và các loại cây khác mà động vật ăn được phép sử dụng:

(a) trong thời gian tối đa 35 ngày, bao gồm cả hành trình đi và về từ đồng cỏ; hoặc

(b) liên quan đến mức tối đa 10% tổng khẩu phần ăn hàng năm được tính theo tỷ lệ phần trăm chất khô của thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp.

1.4.3. Cung cấp nguyên liệu trong giai đoạn chuyển hóa

1.4.3.1. Đối với các trang trại chăn nuôi gia súc hữu cơ:

(a) Trung bình, tối đa 25% công thức khẩu phần ăn có thể bao gồm thức ăn đang trong giai đoạn chuyển đổi kể từ năm thứ hai của quá trình chuyển đổi. Tỷ lệ phần trăm này có thể tăng lên 100% nếu thức ăn đang trong giai đoạn chuyển đổi này đến từ trang trại nơi động vật được nuôi giữ; và

(b) tối đa 20% tổng lượng thức ăn trung bình cho gia súc có thể đến từ việc chăn thả hoặc thu hoạch đồng cỏ lâu năm, các thửa đất trồng cây thức ăn gia súc lâu năm hoặc cây trồng giàu protein được gieo trên đất canh tác hữu cơ trong năm đầu tiên chuyển đổi, với điều kiện đất đó là một phần của cùng một trang trại.

Trường hợp cả hai loại nguyên liệu chuyển hóa được đề cập trong điểm (a) và (b) đều được đưa vào, tổng tỷ lệ phần trăm kết hợp của các loại nguyên liệu này không được vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại điểm (a).

1.4.3.2. Các giá trị số trong điểm 1.4.3.1 được tính hàng năm dưới dạng phần trăm trọng lượng khô của thức ăn có nguồn gốc thực vật.

1.4.4. Lưu giữ hồ sơ liên quan đến hệ thống cho ăn

Người vận hành phải lưu giữ hồ sơ về hệ thống cho ăn và, nếu có, thời gian chăn thả. Cụ thể, họ phải lưu giữ hồ sơ về tên thức ăn, bao gồm bất kỳ dạng thức ăn nào được sử dụng, ví dụ như thức ăn hỗn hợp, tỷ lệ các loại thức ăn khác nhau trong khẩu phần và tỷ lệ thức ăn từ trang trại của chính họ hoặc cùng khu vực và, nếu có, thời gian tiếp cận đồng cỏ, thời gian đi cư theo mùa khi có các hạn chế, và các tài liệu chứng minh việc áp dụng điểm 1.4.2 và 1.4.3.

1.5. Chăm sóc sức khỏe

1.5.1. Phòng ngừa bệnh tật

1.5.1.1. Phòng chống dịch bệnh dựa trên việc lựa chọn giống và dòng, các biện pháp chăn nuôi, sử dụng thức ăn chất lượng cao, tạo điều kiện cho gia súc vận động, mật độ nuôi phù hợp và chuồng trại đầy đủ, thích hợp được duy trì trong điều kiện vệ sinh.

1.5.1.2. Việc sử dụng các sản phẩm thuốc thú y có tác dụng miễn dịch được cho phép.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



1.5.1.3. Nghiêm cấm sử dụng dự phòng các sản phẩm thuốc thú y tân dược tổng hợp hóa học, bao gồm kháng sinh và viên nén cấu tạo từ các phân tử hóa học tân dược tổng hợp.

1.5.1.4. Nghiêm cấm sử dụng các chất tăng trưởng hoặc chất kích thích hiệu suất (bao gồm kháng sinh, thuốc chống cầu trùng và các chất kích thích tăng trưởng nhân tạo khác) và hormone cùng các chất tương tự để kiểm soát sinh sản hoặc cho các mục đích khác (ví dụ: gây hoặc đồng bộ hóa chu kỳ động dục).

1.5.1.5. Khi mua gia súc từ các đơn vị sản xuất không hữu cơ, cần áp dụng các biện pháp đặc biệt, chẳng hạn như kiểm tra sàng lọc hoặc thời gian cách ly, tùy theo điều kiện địa phương.

1.5.1.6. Về việc vệ sinh và khử trùng, chỉ được sử dụng các sản phẩm dùng để vệ sinh và khử trùng chuồng trại chăn nuôi và các cơ sở được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24.

Các nhà điều hành phải lưu giữ hồ sơ về việc sử dụng các sản phẩm này, bao gồm ngày hoặc các ngày sử dụng sản phẩm, tên sản phẩm, các hoạt chất có trong đó và địa điểm sử dụng.

1.5.1.7. Chuồng trại, thiết bị và đồ dùng phải được làm sạch và khử trùng đúng cách để ngăn ngừa sự lây lan của nhiễm trùng và sự phát triển của các sinh vật gây bệnh. Phân, nước tiểu và thức ăn thừa hoặc bị đổ phải được loại bỏ thường xuyên khi cần thiết để giảm thiểu mùi hôi và tránh thu hút côn trùng hoặc động vật gặm nhấm. Thuốc diệt chuột (chỉ bẫy) và các sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 9 và 24 có thể được sử dụng để diệt trừ côn trùng và các loài gây hại khác trong chuồng trại và vật nuôi khác.

1.5.2. Chăm sóc thú y

1.5.2.1. Nếu, bất chấp việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa để đảm bảo sức khỏe động vật, động vật bị ốm hoặc bị thương, thì phải tiến hành điều trị ngay lập tức.

1.5.2.2. Bệnh phải được điều trị ngay lập tức để ngăn ngừa sự đau khổ cho động vật; nếu việc sử dụng các phương thuốc thảo dược, vi lượng đồng căn và các phương thuốc khác không phù hợp, thì có thể sử dụng các sản phẩm thuốc thú y tổng hợp hóa học, bao gồm cả kháng sinh, khi cần thiết, trong điều kiện nghiêm ngặt và dưới trách nhiệm của bác sĩ thú y. Đặc biệt, cần phải xác định rõ các hạn chế về chu kỳ điều trị và thời gian chờ đợi sau điều trị.

1.5.2.3. Nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc khoáng chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24, phụ gia dinh dưỡng được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24, và các sản phẩm trị liệu bằng thảo dược và vi lượng đồng căn sẽ được ưu tiên hơn so với điều trị bằng các sản phẩm thuốc thú y tổng hợp hóa học, bao gồm cả kháng sinh, với điều kiện là tác dụng điều trị của chúng có hiệu quả đối với loài vật và tình trạng bệnh mà chúng được dùng để điều trị.

1.5.2.4. Ngoại trừ việc tiêm phòng, điều trị bệnh ký sinh trùng và các chương trình kiểm soát dịch bệnh bắt buộc khác, nếu một con vật hoặc một nhóm vật nuôi được điều trị quá ba đợt bằng các sản phẩm thuốc thú y tổng hợp hóa học, bao gồm cả kháng sinh, trong vòng 12 tháng hoặc quá một đợt điều trị nếu chu kỳ sản xuất của chúng dưới một năm, thì vật nuôi đó hoặc bất kỳ sản phẩm nào có nguồn gốc từ chúng sẽ không được bán dưới dạng sản phẩm hữu cơ và vật nuôi đó phải trải qua thời gian chuyển đổi được đề cập trong điểm 1.2.

1.5.2.5. Thời gian chờ giữa lần sử dụng cuối cùng của một sản phẩm thuốc thú y tổng hợp hóa học, bao gồm cả kháng sinh, cho động vật trong điều kiện sử dụng bình thường và việc sản xuất các sản phẩm hữu cơ từ động vật đó phải gấp đôi thời gian chờ pháp lý quy định tại Điều 11 của Chỉ thị 2001/82/EC và phải ít nhất là 48 giờ.

1.5.2.6. Các phương pháp điều trị liên quan đến việc bảo vệ sức khỏe con người và động vật theo quy định của EU được phép thực hiện.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



1.5.2.7. Các nhà điều hành phải lưu giữ hồ sơ hoặc tài liệu hỗ trợ, bao gồm bất kỳ phương pháp điều trị nào đã được thực hiện, đặc biệt là việc xác định động vật được điều trị, ngày điều trị, chẩn đoán, liều lượng, tên thuốc và, nếu có, đơn thuốc thú y và thời gian chờ đợi trước khi đưa sản phẩm ra thị trường và dán nhãn sản phẩm động vật là hữu cơ.

1.6. Cơ sở vật chất và phương pháp canh tác

1.6.1. Việc cách nhiệt, sưởi ấm và thông gió của các tòa nhà phải đảm bảo sự lưu thông không khí, mức độ bụi, nhiệt độ, độ ẩm tương đối và nồng độ khí được duy trì trong giới hạn đảm bảo phúc lợi động vật. Tòa nhà phải có đủ thông gió tự nhiên và đủ ánh sáng tự nhiên.

1.6.2. Chuồng trại chăn nuôi không bắt buộc ở những khu vực có điều kiện khí hậu thích hợp để nuôi nhốt động vật ngoài trời. Trong những trường hợp như vậy, động vật phải được tiếp cận với nơi trú ẩn hoặc khu vực có bóng mát để bảo vệ chúng khỏi các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

1.6.3. Mật độ chăn nuôi trong chuồng trại đảm bảo sự thoải mái và sức khỏe của chúng, đồng thời đáp ứng các nhu cầu đặc thù của từng loài, tùy thuộc vào loài, giống và độ tuổi của vật nuôi. Nhu cầu về hành vi của vật nuôi cũng được tính đến, đặc biệt là tùy thuộc vào kích thước nhóm và giới tính. Mật độ này đảm bảo sức khỏe của vật nuôi bằng cách cung cấp cho chúng đủ không gian để đứng tự nhiên, di chuyển, nằm xuống dễ dàng, xoay người, tự chải chuốt, giữ các tư thế tự nhiên và thực hiện tất cả các chuyển động tự nhiên, chẳng hạn như đuổi người hoặc vỗ cánh.

1.6.4. Diện tích bề mặt tối thiểu của các cơ sở và đường chạy ngoài trời, cũng như các chi tiết kỹ thuật liên quan đến các cơ sở được quy định trong các văn bản thực thi được đề cập trong Điều 14(3), phải được tuân thủ.

1.6.5. Khu vực ngoài trời có thể được che chắn một phần. Nơi trú ẩn không được coi là khu vực ngoài trời.

1.6.6. Tổng mật độ chăn nuôi không vượt quá giới hạn 170 kg nitơ hữu cơ/năm/ha đất nông nghiệp.

1.6.7. Để xác định mật độ chăn nuôi phù hợp được đề cập tại điểm 1.6.6, cơ quan có thẩm quyền sẽ thiết lập số lượng đơn vị chăn nuôi tương ứng với giới hạn được đề cập tại điểm 1.6.6, dựa trên các giá trị số được quy định trong từng yêu cầu cụ thể đối với từng loại hình chăn nuôi.

1.6.8. Nghiêm cấm sử dụng lồng, hộp và bề phẳng trong việc nuôi bất kỳ loài động vật nào.

1.6.9. Nếu động vật nuôi trong trang trại được nuôi riêng vì lý do thú y, nó phải được nuôi trên bề mặt cứng và được cung cấp khu vực lót chuồng hoặc vật liệu lót chuồng phù hợp khác. Động vật phải có thể xoay người tự do và đuổi thẳng toàn thân.

1.6.10. Không được nuôi nhốt động vật hữu cơ trong chuồng trại đặt trên nền đất quá ẩm ướt hoặc đầm lầy.

1.7. Phúc lợi động vật

1.7.1. Tất cả những người nuôi giữ động vật và xử lý động vật trong quá trình vận chuyển và giết mổ phải có kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết liên quan đến nhu cầu về sức khỏe và phúc lợi của động vật và phải hoàn thành khóa đào tạo thích hợp theo yêu cầu, đặc biệt là theo Quy định của Hội đồng (EC) số 1/2005 (1) và Quy định của Hội đồng (EC) số 1099/2000 (2) để đảm bảo áp dụng đúng các quy tắc được nêu trong Quy định này.

1.7.2. Các biện pháp chăn nuôi, bao gồm mật độ nuôi và điều kiện chuồng trại, phải đảm bảo đáp ứng các nhu cầu về phát triển, sinh lý và hành vi của động vật.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong
nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



1.7.3. Gia súc phải được tiếp cận thường xuyên với các khu vực ngoài trời cho phép chúng di chuyển tự do, tốt nhất là đồng cỏ, bất cứ khi nào điều kiện thời tiết, mùa vụ và tình trạng mặt đất cho phép, trừ các hạn chế và nghĩa vụ liên quan đến việc bảo vệ sức khỏe con người và động vật được quy định trên cơ sở pháp luật của Liên minh châu Âu.

1.7.4. Số lượng gia súc phải được giới hạn để giảm thiểu tình trạng chần thả quá mức, xói mòn đất, ô nhiễm do động vật hoặc do việc phát tán phân chuồng gây ra.

1.7.5. Nghiêm cấm việc buộc dây hoặc cách ly gia súc, trừ trường hợp từng cá thể riêng lẻ trong thời gian giới hạn và trong phạm vi được chứng minh là có lý do thú y. Việc cách ly gia súc chỉ được phép trong thời gian giới hạn khi an toàn của người lao động bị đe dọa hoặc vì lý do phúc lợi động vật. Cơ quan có thẩm quyền có thể cho phép buộc dây gia súc tại các trang trại có tối đa 50 con (không bao gồm gia súc non) nếu không thể chia gia súc thành các nhóm phù hợp với thói quen hành vi của chúng, với điều kiện chúng được tiếp cận với đồng cỏ trong thời gian chần thả và được tiếp cận với khu vực chần thả ngoài trời ít nhất hai lần một tuần khi không thể chần thả.

1.7.6. Thời gian vận chuyển gia súc phải được rút ngắn tối đa.

1.7.7. Mọi hình thức đau đớn, khó chịu và khổ sở phải được tránh và giảm thiểu tối đa trong suốt cuộc đời của động vật, kể cả vào thời điểm giết mổ.

1.7.8. Không ảnh hưởng đến các sửa đổi tiếp theo đối với luật pháp của Liên minh về phúc lợi động vật, việc cắt đuôi cừu, cắt mỏ được thực hiện trong ba ngày đầu đời và cắt sừng chỉ được phép trong trường hợp ngoại lệ theo từng trường hợp cụ thể khi các hoạt động này cải thiện sức khỏe, phúc lợi hoặc vệ sinh của động vật nuôi hoặc khi an toàn của người lao động bị đe dọa. Việc cắt chỏ non chỉ được phép theo từng trường hợp cụ thể khi nó cải thiện sức khỏe, phúc lợi hoặc vệ sinh của động vật nuôi hoặc khi an toàn của người lao động bị đe dọa. Cơ quan có thẩm quyền chỉ cho phép sử dụng các thủ tục này nếu người vận hành đã khai báo và chứng minh đúng sự cần thiết của chúng và chúng được thực hiện bởi nhân viên có trình độ chuyên môn. (1) 1.

(2) 2. Quy định của Hội đồng (EC) số 1/2005 ngày 22 tháng 12 năm 2004 về bảo vệ động vật trong quá trình vận chuyển và các hoạt động liên quan và sửa đổi Chỉ thị 64/432/EEC và 93/119/EC và Quy định (EC) số 1255/97 (OJ L 3, 5.1.2005, trang 1). (2) 2. Quy định của Hội đồng (EC) số 1099/2009 ngày 24 tháng 9 năm 2009 về bảo vệ động vật tại thời điểm giết mổ (OJ L 303, 18.11.2009, trang 1).

1.7.9 Mọi đau đớn của động vật cần được giảm thiểu tối đa bằng cách sử dụng thuốc gây mê hoặc giảm đau thích hợp và sử dụng nhân viên có trình độ chuyên môn để thực hiện các thủ tục, cũng như thực hiện các thủ tục ở độ tuổi thích hợp nhất cho động vật.

1.7.10. Thiến vật lý được phép trong các trường hợp cần thiết để duy trì chất lượng sản phẩm và các phương thức sản xuất truyền thống, nhưng chỉ trong các điều kiện quy định tại điểm 1.7.9.

1.7.11. Việc bốc dỡ động vật được thực hiện mà không sử dụng biện pháp cưỡng chế hoặc bất kỳ hình thức kích thích điện hay gây đau đớn nào khác. Nghiêm cấm sử dụng thuốc an thần tân dược, cả trước và trong quá trình vận chuyển.

1.7.12. Người vận hành phải lưu giữ hồ sơ hoặc tài liệu hỗ trợ bao gồm bất kỳ biện pháp cụ thể nào đã thực hiện và lý do áp dụng các điểm 1.7.5, 1.7.8, 1.7.9 hoặc 1.7.10. Đối với động vật rời khỏi trang trại, cần ghi lại các dữ liệu sau, nếu có: tuổi, số lượng động vật, trọng lượng động vật được giết mổ, mã nhận dạng liên quan (cá thể hoặc lô/đàn/tổ), ngày khởi hành và địa điểm đến.

1.8. Chuẩn bị sản phẩm chưa qua chế biến

Trường hợp các hoạt động chuẩn bị khác ngoài chế biến được thực hiện trên động vật nuôi, các yêu cầu chung được nêu trong Phần IV, điểm 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 và 2.2.3 sẽ được áp dụng tương ứng cho các hoạt động đó.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong
nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



1.9. Các điều khoản chung bổ sung

1.9.1. Đối với gia súc, cừu, dê và ngựa 1.9.1.1. Dinh dưỡng

Các quy định sau đây áp dụng cho dinh dưỡng:

(a) ít nhất 60% thức ăn chăn nuôi phải đến từ cùng một trang trại hoặc, nếu điều này không thể thực hiện được hoặc không có sẵn loại thức ăn đó, thì phải được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang trong quá trình chuyển đổi và các nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi khác sử dụng thức ăn và nguyên liệu thức ăn từ cùng một khu vực.

Tỷ lệ này sẽ được tăng lên 70% kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024;

(b) động vật phải được tiếp cận đồng cỏ bất cứ khi nào điều kiện cho phép;

(c) Mặc dù có quy định tại điểm (b), bò đực trên một tuổi phải được cho phép tiếp cận đồng cỏ hoặc khu vực ngoài trời;

(d) trong trường hợp động vật được tiếp cận với đồng cỏ trong thời gian chăn thả và hệ thống chuồng trại mùa đông cho phép động vật di chuyển tự do, thì nghĩa vụ cung cấp khu vực ngoài trời có thể được miễn trong những tháng mùa đông;

(e) hệ thống chăn nuôi dựa trên việc sử dụng tối đa đồng cỏ, phù hợp với sự sẵn có của chúng vào các thời điểm khác nhau trong năm;

f) Ít nhất 60% chất khô trong khẩu phần ăn hàng ngày phải bao gồm thức ăn thô, thức ăn xanh, thức ăn khô hoặc thức ăn ủ chua. Đối với vật nuôi dùng để sản xuất sữa, tỷ lệ các loại thức ăn này có thể giảm xuống 50% trong thời gian tối đa ba tháng trong giai đoạn đầu cho con bú.

1.9.1.2. Cơ sở vật chất và phương pháp chăn nuôi

Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở vật chất và phương pháp canh tác:

a) Sàn nhà trong các phòng nhốt nhưng không trơn trượt;

(b) chuồng trại phải có khu vực nằm nghỉ thoải mái, sạch sẽ và khô ráo, có kết cấu chắc chắn không có thanh chắn. Khu vực nghỉ ngơi phải có khu vực nằm rộng rãi, khô ráo được phủ bằng vật liệu lót chuồng. Vật liệu lót chuồng phải bao gồm rơm hoặc vật liệu tự nhiên phù hợp khác. Vật liệu lót chuồng có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng nào được phép sử dụng làm phân bón hoặc chất cải tạo đất trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24;

(c) bất chấp điểm (a) của tiểu đoạn thứ nhất của Điều 3(1) và tiểu đoạn thứ hai của Điều 3(1) của Chỉ thị 2008/119/EC của Hội đồng (1), việc nuôi nhốt bê con trên một tuần tuổi trong các chuồng riêng lẻ bị cấm, trừ trường hợp nuôi nhốt từng con vật riêng lẻ trong một khoảng thời gian giới hạn và trong phạm vi cần thiết vì lý do thú y;

d) Nếu bê con được nuôi riêng vì lý do thú y, nó phải được đặt trên bề mặt cứng và có khu vực lót đệm. Bê con phải có thể xoay người tự do và duỗi thẳng toàn thân.

1.9.2. Về họ hươu nai 1.9.2.1.

Dinh dưỡng

Các quy định sau đây áp dụng cho dinh dưỡng:

(a) ít nhất 60% thức ăn chăn nuôi phải đến từ cùng một trang trại hoặc, nếu điều này không thể thực hiện được hoặc không có sẵn loại thức ăn đó, thì phải được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang trong quá trình chuyển đổi và các nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi khác sử dụng thức ăn và nguyên liệu thức ăn từ cùng một khu vực.

Tỷ lệ này sẽ được tăng lên 70% kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.

(b) động vật phải được tiếp cận đồng cỏ bất cứ khi nào điều kiện cho phép;

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



(c) Trong trường hợp động vật được tiếp cận với đồng cỏ trong thời gian chăn thả và hệ thống chuồng trại mùa đông cho phép động vật di chuyển tự do, thì nghĩa vụ cung cấp khu vực ngoài trời có thể được miễn trong những tháng mùa đông;

(d) hệ thống chăn nuôi phải dựa trên việc sử dụng tối đa đồng cỏ, phù hợp với khả năng sẵn có của chúng trong suốt cả năm; (1) Chỉ thị của Hội đồng 2008/119/EC ngày 18 tháng 12 năm 2008 quy định các tiêu chuẩn tối thiểu để bảo vệ bê (OJ L 10, 15.1.2009, tr. 7).

e) Ít nhất 60% chất khô trong khẩu phần ăn hàng ngày phải bao gồm thức ăn thô, thức ăn xanh, thức ăn khô hoặc thức ăn ủ chua. Đối với hươu cái đang cho sữa, tỷ lệ các loại thức ăn này có thể giảm xuống 50% trong thời gian tối đa ba tháng trong giai đoạn đầu cho con bú;

f) Trong thời kỳ sinh trưởng, khu vực chăn thả phải cho phép động vật gặm cỏ tự nhiên. Nghiêm cấm việc nuôi nhốt động vật trong các khu vực không cung cấp đủ thức ăn cho việc gặm cỏ.

g) Việc cho ăn bổ sung chỉ được phép trong trường hợp không đủ điều kiện chăn thả do điều kiện thời tiết xấu;

h) Động vật nuôi nhốt trong chuồng phải được cung cấp nước sạch, tươi. Trường hợp không có nguồn nước tự nhiên sẵn có, phải bố trí khu vực cấp nước.

1.9.2.2. Cơ sở vật chất và phương pháp chăn nuôi

Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và hoạt động canh tác:

a) Các loài hươu nai được cung cấp nơi ẩn náu, chỗ trú ẩn và hàng rào không gây nguy hiểm cho chúng;

b) Trong chuồng nuôi hươu, các con vật phải có thể lăn lộn trong bùn, điều này giúp chúng làm sạch lông và điều chỉnh nhiệt độ cơ thể;

c) Sàn nhà trong tất cả các phòng đều nhẵn nhưng không trơn trượt;

d) Tất cả các phòng phải có khu vực nằm/nghỉ ngơi đủ rộng, thoải mái, sạch sẽ và khô ráo, được xây dựng kiên cố không có nan gỗ. Khu vực nghỉ ngơi phải có một khu vực nằm rộng rãi, khô ráo được phủ bằng chất độn chuồng. Chất độn chuồng phải bao gồm rơm hoặc các vật liệu tự nhiên thích hợp khác. Chất độn chuồng có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng nào được phép theo Điều 24 làm phân bón hoặc chất cải tạo đất để sử dụng trong sản xuất hữu cơ;

e) Khu vực cho ăn nên được bố trí ở những nơi có mái che chắn khỏi thời tiết và dễ tiếp cận cho cả động vật lẫn người chăm sóc. Mặt đất gần khu vực cho ăn nên được lát gạch, và giá để thức ăn phải được che đậy;

(f) Nếu không thể đảm bảo nguồn thức ăn liên tục, thì nơi cho ăn phải được thiết kế sao cho tất cả các con vật có thể ăn cùng một lúc.

1.9.3. Dành cho lợn 1.9.3.1.

Dinh dưỡng

Các yêu cầu sau đây áp dụng cho dinh dưỡng:

(a) ít nhất 30% thức ăn chăn nuôi phải đến từ cùng một trang trại hoặc, nếu điều này không thể thực hiện được hoặc không có sẵn loại thức ăn đó, thì phải được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang trong quá trình chuyển đổi và các nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi khác sử dụng thức ăn và nguyên liệu thức ăn từ cùng một khu vực;

b) Thức ăn thô xanh, thức ăn khô hoặc thức ăn ủ chua được bổ sung vào khẩu phần ăn hàng ngày;

(c) trường hợp nông dân không thể có được thức ăn giàu protein hoàn toàn từ sản xuất hữu cơ và cơ quan có thẩm quyền đã xác nhận rằng thức ăn giàu protein hữu cơ không có sẵn với số lượng đủ,

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



Thức ăn giàu protein không hữu cơ có thể được sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 với điều kiện đáp ứng các yêu cầu sau:

- (i) nó không có sẵn ở dạng hữu cơ;
- (ii) được sản xuất hoặc chế tạo mà không sử dụng dung môi hóa học;
- (iii) việc sử dụng nó chỉ giới hạn ở việc cho lợn con nặng đến 35 kg ăn các hợp chất protein cụ thể; và
- (iv) Tỷ lệ phần trăm tối đa cho phép trong khoảng thời gian 12 tháng đối với những động vật này không vượt quá 5%. Tỷ lệ phần trăm chất khô của thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp phải được tính toán.

1.9.3.2. Cơ sở vật chất và phương pháp chăn nuôi

Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và hoạt động canh tác:

- a) Sàn nhà trong các phòng nhốt nhưng không trơn trượt;
- (b) chuồng trại phải có khu vực nằm nghỉ thoải mái, sạch sẽ và khô ráo, có kết cấu chắc chắn không có thanh chắn. Khu vực nghỉ ngơi phải có khu vực nằm rộng rãi, khô ráo được phủ bằng vật liệu lót chuồng. Vật liệu lót chuồng phải bao gồm rơm hoặc vật liệu tự nhiên phù hợp khác. Vật liệu lót chuồng có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng nào được phép sử dụng làm phân bón hoặc chất cải tạo đất trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24;
- (c) phải luôn có một chiếc giường với lớp lót làm bằng rơm hoặc vật liệu thích hợp khác, đủ lớn để tất cả lợn trong chuồng có thể nằm xuống cùng một lúc, sao cho mỗi con lợn chiếm được càng nhiều không gian càng tốt;
- (d) Lợn nái phải được nuôi theo nhóm, trừ giai đoạn cuối thai kỳ và trong thời kỳ cho con bú, trong thời gian đó lợn nái được phép di chuyển tự do trong chuồng và việc di chuyển của chúng chỉ bị hạn chế trong thời gian ngắn;
- (e) tùy theo các yêu cầu bổ sung về rơm, vài ngày trước ngày dự kiến sinh, lợn nái phải được cung cấp đủ rơm hoặc vật liệu tự nhiên thích hợp khác để chúng có thể làm tổ;
- f) Các khu vực này cho phép lợn đi vệ sinh và đào bới. Có thể sử dụng nhiều loại chất nền khác nhau cho mục đích đào bới.

1.9.4. Đối với gia cầm

1.9.4.1. Nguồn gốc động vật

Để tránh sử dụng các phương pháp sản xuất thâm canh, gia cầm được nuôi cho đến khi đạt độ tuổi giết mổ tối thiểu hoặc duy trì các giống gia cầm tăng trưởng chậm thích nghi với chăn nuôi ngoài trời.

Cơ quan có thẩm quyền sẽ thiết lập các tiêu chí cho các tuyến đường tăng trưởng chậm hoặc lập danh sách các tuyến đường đó và cung cấp thông tin này cho các nhà khai thác, các quốc gia thành viên khác và Ủy ban.

Nếu người chăn nuôi không sử dụng các dòng gia cầm tăng trưởng chậm, thì độ tuổi giết mổ tối thiểu sau đây sẽ được áp dụng:

- a) 81 ngày đối với gà con;
- b) 150 ngày đối với gà trống thiên;
- c) 49 ngày đối với vịt Bắc Kinh;
- d) 70 ngày đối với vịt Muscovy mái;
- e) 84 ngày đối với vịt Muscovy đực;
- f) 92 ngày đối với vịt Mulard;
- g) 94 ngày đối với gà sao;

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



(h) 140 ngày đối với gà tây trống và ngỗng quay; và

i) 100 ngày đối với gà tây mái.

1.9.4.2. Dinh dưỡng

Các quy định sau đây áp dụng cho dinh dưỡng:

(a) Ít nhất 30% thức ăn chăn nuôi phải đến từ chính trang trại đó hoặc, nếu điều này không thể thực hiện được hoặc không có sẵn loại thức ăn đó, thì phải được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang trong quá trình chuyển đổi và các nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi khác sử dụng thức ăn và nguyên liệu thức ăn từ cùng một khu vực;

(b) Thức ăn thô xanh, thức ăn khô hoặc thức ăn ủ chua được bổ sung vào khẩu phần ăn hàng ngày;

(c) Trường hợp nông dân không thể có được thức ăn giàu protein hoàn toàn từ sản xuất hữu cơ cho gia cầm và cơ quan có thẩm quyền đã xác nhận rằng thức ăn giàu protein hữu cơ không có sẵn với số lượng đủ, thì có thể sử dụng thức ăn giàu protein không hữu cơ cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 với điều kiện đáp ứng các điều kiện sau:

(i) nó không có sẵn ở dạng hữu cơ;

(ii) được sản xuất hoặc chế tạo mà không sử dụng dung môi hóa học;

(iii) việc sử dụng nó chỉ giới hạn ở việc cho gia cầm non ăn các hợp chất protein cụ thể; và

(iv) Tỷ lệ phần trăm tối đa cho phép trong khoảng thời gian 12 tháng đối với những động vật này không vượt quá 5%.

Cần tính toán tỷ lệ chất khô của thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc nông nghiệp.

1.9.4.3. Phúc lợi động vật

Nghiêm cấm việc nhốt gia cầm còn sống.

1.9.4.4. Cơ sở vật chất và phương pháp chăn nuôi

Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở vật chất và phương pháp canh tác:

(a) Ít nhất một phần ba diện tích sàn là sàn đặc, tức là không được làm bằng thanh hoặc lưới, và được phủ bằng vật liệu lót như rơm, mùn cưa, cát hoặc than bùn;

(b) Trong chuồng gà đẻ, có một khu vực đủ rộng để thu gom phân gà;

(c) Các chuồng trại phải được dọn sạch gia súc trước khi đưa lứa gia cầm mới vào. Trong thời gian này, các chuồng trại và thiết bị phải được làm sạch và khử trùng. Ngoài ra, sau khi nuôi xong mỗi lứa gia cầm, các khu vực chăn thả phải được để trống trong một khoảng thời gian do các quốc gia thành viên quy định để cho cây cối mọc lại. Người chăn nuôi phải lưu giữ hồ sơ hoặc tài liệu để chứng minh việc áp dụng khoảng thời gian này. Các yêu cầu này không áp dụng trong trường hợp gia cầm không được nuôi theo lứa, không được nhốt trong chuồng và được phép đi chuyển tự do suốt cả ngày;

(d) Gia cầm phải được tiếp cận với khu vực ngoài trời trong ít nhất một phần ba cuộc đời của chúng. Tuy nhiên, gà mái đẻ trứng và gia cầm dùng để giết mổ phải được tiếp cận với khu vực ngoài trời trong ít nhất một phần ba cuộc đời của chúng, trừ trường hợp có những hạn chế tạm thời được áp đặt dựa trên luật pháp của Liên minh;

(e) Đảm bảo trẻ được tiếp cận liên tục với không khí ngoài trời suốt cả ngày từ khi còn nhỏ và bất cứ khi nào điều kiện sinh lý và thể chất cho phép, trừ những hạn chế tạm thời được áp đặt dựa trên luật pháp của Liên minh;

(f) Ngoại lệ so với điểm 1.6.5, trong trường hợp gà giống và gà mái tơ dưới 18 tuần tuổi, nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm 1.7.3 liên quan đến các hạn chế và nghĩa vụ bảo vệ sức khỏe con người và động vật được áp đặt trên cơ sở pháp luật của Liên minh Châu Âu và do đó, gà giống và gà mái tơ dưới 18 tuần tuổi không được tiếp cận với khu vực ngoài trời, thì chuồng trại sẽ được coi là khu vực ngoài trời và trong trường hợp đó phải được rào bằng lưới thép để ngăn cách chúng với các loài gà khác;

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



- (g) Khu vực ngoài trời dành cho gia cầm phải đảm bảo gia cầm dễ dàng tiếp cận với số lượng máng nước đầy đủ;
- (h) Các khu vực ngoài trời dành cho gia cầm chủ yếu được bao phủ bởi thảm thực vật;
- (i) trong trường hợp nguồn thức ăn có sẵn ở một khu vực nhất định bị hạn chế, ví dụ như do tuyết phủ lâu ngày hoặc hạn hán, việc bổ sung thức ăn thô sẽ là một phần trong khẩu phần ăn của gia cầm;
- (j) Trường hợp gia cầm được nuôi nhốt trong nhà do các hạn chế hoặc nghĩa vụ được áp đặt dựa trên luật pháp của Liên minh, gia cầm phải được tiếp cận thường xuyên với lượng thức ăn thô và vật liệu thích hợp đầy đủ để đáp ứng nhu cầu sinh lý của chúng;
- (k) Các loài chim nước phải được tiếp cận với suối, ao, hồ hoặc vùng nước bất cứ khi nào điều kiện thời tiết và vệ sinh cho phép, để đáp ứng nhu cầu cụ thể của loài và các yêu cầu về phúc lợi động vật; khi điều kiện thời tiết không cho phép tiếp cận như vậy, phải có nước để chúng có thể nhúng đầu và làm sạch lông;
- (l) Ánh sáng tự nhiên có thể được bổ sung bằng ánh sáng nhân tạo sao cho thời gian chiếu sáng tối đa mỗi ngày là 16 giờ với thời gian nghỉ ngơi ban đêm không bị gián đoạn ít nhất tám giờ mà không có ánh sáng nhân tạo;
- m) Tổng diện tích sử dụng được của các chuồng gia cầm để giết mổ trong đơn vị sản xuất không vượt quá 1.600 m²;
- n) Không được phép nuôi quá 3.000 con gà mái đẻ trong một phòng của chuồng gà.

1.9.5. Dành cho thỏ 1.9.5.1.

Dinh dưỡng

Các yêu cầu sau đây áp dụng cho dinh dưỡng:

- (a) ít nhất 70% thức ăn chăn nuôi đến từ chính trang trại đó hoặc, nếu điều này không thể thực hiện được hoặc không có sẵn loại thức ăn đó, thì phải được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang trong quá trình chuyển đổi và các nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi khác sử dụng thức ăn và nguyên liệu thức ăn từ cùng một khu vực;
- b) Thỏ phải được phép chăn thả trên đồng cỏ bất cứ khi nào điều kiện cho phép;
- c) Hệ thống quản lý dựa trên việc sử dụng tối đa diện tích đồng cỏ, phù hợp với lượng đồng cỏ sẵn có vào từng thời điểm cụ thể trong năm;
- d) Khi không có đủ cỏ, cần cung cấp thức ăn giàu chất xơ như rơm hoặc cỏ khô.
Thức ăn gia súc phải chiếm ít nhất 60% khẩu phần ăn.

1.9.5.2. Cơ sở vật chất và phương pháp chăn nuôi

Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở vật chất và phương pháp canh tác:

- (a) Chuồng trại phải có khu vực nằm/ngủ thoải mái, sạch sẽ và khô ráo, được xây dựng kiên cố không có nan gỗ. Khu vực nghỉ ngơi phải có diện tích nằm rộng rãi, khô ráo, được phủ lớp lót chuồng. Lớp lót chuồng phải bao gồm rơm hoặc các vật liệu tự nhiên phù hợp khác. Lớp lót chuồng có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng nào được phép sử dụng làm phân bón hoặc chất cải tạo đất trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24;
- b) Thỏ được nuôi theo nhóm;
- c) Các trang trại duy trì các giống vật nuôi có khả năng kháng bệnh, thích nghi với điều kiện bên ngoài;
- d) Thỏ có thể tiếp cận với:
 - (i) nơi trú ẩn có mái che với những chỗ ẩn nấp tối tăm;
 - (ii) một khu vực ngoài trời có thảm thực vật, tốt nhất là đồng cỏ;

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



(iii) một bề cao để họ có thể ngồi, trong nhà hoặc ngoài trời;

(iv) vật liệu làm tổ cho tất cả các con cái đang cho con bú.

1.9.6. Trong trường hợp của ong

1.9.6.1. Nguồn gốc động vật

Trong nghề nuôi ong, ưu tiên được dành cho loài ong mật (*Apis mellifera*) và các kiểu sinh thái địa phương của nó.

1.9.6.2. Dinh dưỡng

Các quy định sau đây áp dụng cho dinh dưỡng:

a) Vào cuối mùa sản xuất, các tổ ong còn lại một lượng mật ong và phấn hoa đủ để ong sống sót qua mùa đông;

b) Việc cho ong ăn nhân tạo chỉ được phép khi sự sống còn của đàn ong bị đe dọa bởi điều kiện khí hậu. Trong những trường hợp như vậy, đàn ong được cho ăn mật ong hữu cơ, phấn hoa hữu cơ, siro đường hữu cơ hoặc đường hữu cơ.

1.9.6.3. Chăm sóc sức khỏe

Về vấn đề bảo vệ sức khỏe, các quy định sau đây được áp dụng:

(a) để bảo vệ khung, tổ ong và cầu ong, đặc biệt là chống lại sâu bệnh, chỉ được sử dụng thuốc diệt chuột dùng trong bẫy và các sản phẩm, chất thích hợp được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 9 và Điều 24;

b) Việc sử dụng các biện pháp vật lý để khử trùng trại ong, chẳng hạn như sử dụng hơi nước nóng và phơi nắng trực tiếp, được cho phép;

(c) việc tiêu diệt giòi chỉ được phép thực hiện với mục đích cô lập sự lây nhiễm *Varroa destructor*;

d) Nếu, bất chấp các biện pháp phòng ngừa, đàn ong bị bệnh hoặc nhiễm trùng, chúng phải được điều trị ngay lập tức và, nếu cần thiết, có thể được đặt trong các trại ong cách ly;

e) Trong trường hợp nhiễm ký sinh trùng *Varroa destructor*, có thể sử dụng axit formic, lactic, acetic và oxalic, cũng như menthol, thymol, eucalyptol hoặc camphor;

(f) Trường hợp sử dụng phương pháp điều trị bằng các sản phẩm thuốc tân dược tổng hợp hóa học, bao gồm cả kháng sinh, trừ các sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 9 và Điều 24, thì các đàn ong cần điều trị phải được đặt trong các trại ong cách ly trong suốt thời gian điều trị và toàn bộ sáp ong phải được thay thế bằng sáp ong từ các trại ong hữu cơ.

Sau đó, đối với những gia đình như vậy, việc chuyển đổi được quy định tại điểm 1.2.2 sẽ áp dụng trong thời hạn 12 tháng.

1.9.6.4. Phúc lợi động vật

Các quy định chung bổ sung sau đây áp dụng cho nghề nuôi ong:

a) Nghiêm cấm việc tiêu diệt ong trên tổ ong như một phương pháp liên quan đến việc thu gom sản phẩm nuôi ong;

b) Nghiêm cấm mọi hành vi làm tổn thương ong, chẳng hạn như cắt cánh ong chúa.

1.9.6.5. Cơ sở vật chất và phương pháp chăn nuôi

Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và hoạt động canh tác:

(a) các trại ong phải được đặt ở những khu vực cung cấp nguồn mật hoa và phấn hoa chủ yếu bao gồm cây trồng được sản xuất hữu cơ hoặc, nếu thích hợp, thảm thực vật tự nhiên, hoặc rừng không được quản lý theo quy tắc sản xuất hữu cơ, hoặc cây trồng chỉ được xử lý bằng các phương pháp có tác động môi trường thấp;

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong
nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



b) Các trại nuôi ong được đặt ở khoảng cách đủ xa so với các nguồn có thể dẫn đến ô nhiễm sản phẩm ong hoặc ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của ong;

(c) Trại ong phải được đặt sao cho, trong bán kính 3 km từ trại ong, nguồn mật hoa và phấn hoa chủ yếu bao gồm các loại cây trồng hữu cơ hoặc thảm thực vật tự nhiên hoặc cây trồng chỉ được xử lý bằng các phương pháp có tác động môi trường thấp, tương ứng với các phương pháp được quy định tại Điều 28 và 30 của Quy định (EU) số 1305/2013, không gây rủi ro cho việc chứng nhận nuôi ong là hữu cơ. Các yêu cầu này không áp dụng cho các khu vực không có hoa hoặc nơi tổ ong đang ngủ đông;

(d) Tổ ong và vật liệu dùng trong nuôi ong phải được làm chủ yếu từ vật liệu tự nhiên, không gây nguy cơ ô nhiễm môi trường hoặc sản phẩm nuôi ong;

e) Sáp ong dùng cho các tổ ong mới được sản xuất từ các đơn vị sản xuất sinh thái;

f) Chỉ được sử dụng các sản phẩm tự nhiên như keo ong, sáp ong và dầu thực vật trong tổ ong;

g) Nghiêm cấm sử dụng các chất đuổi côn trùng tổng hợp trong quá trình khai thác mật ong;

h) Nghiêm cấm việc lấy mật ong từ tổ ong có giòi;

(i) Việc nuôi ong sẽ không được coi là hữu cơ nếu nó được thực hiện ở các vùng hoặc khu vực được các quốc gia thành viên chỉ định là các vùng hoặc khu vực không thể nuôi ong hữu cơ.

1.9.6.6. Nghĩa vụ lưu giữ tài liệu

Các nhà điều hành phải lưu giữ bản đồ theo tỷ lệ thích hợp hoặc tọa độ địa lý vị trí của các tổ ong, để nộp cho cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức kiểm soát, chứng minh rằng các khu vực mà đàn ong có thể tiếp cận đáp ứng các yêu cầu của Quy định này.

Thông tin sau đây cần được ghi vào sổ đăng ký trại ong liên quan đến việc cho ong ăn: tên sản phẩm được sử dụng, ngày tháng, số lượng và số tổ ong sử dụng sản phẩm đó.

Vị trí của trại ong được ghi lại cùng với thông tin nhận dạng các tổ ong và thời gian di dời.

Tất cả các biện pháp thực hiện, bao gồm việc tháo dỡ các tầng ong và thu hoạch mật ong, đều được ghi chép vào sổ đăng ký trại ong. Số lượng và ngày thu hoạch mật ong cũng cần được ghi lại.

Phần III: Quy định về sản xuất tảo và động vật nuôi trồng thủy sản - không áp dụng

Phần IV: Quy định về sản xuất thực phẩm chế biến

Ngoài các quy định sản xuất chung được nêu trong Điều 9, 11 và 16, các yêu cầu được quy định trong Phần này sẽ áp dụng cho việc sản xuất thực phẩm chế biến hữu cơ.

1. Các yêu cầu chung đối với việc sản xuất thực phẩm chế biến

1.1. Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến cũng như các chất và thành phần khác được sử dụng trong chế biến thực phẩm, cũng như các hoạt động chế biến khác như hun khói, phải tuân thủ các nguyên tắc thực hành sản xuất tốt (1).

1.2. Các nhà sản xuất thực phẩm chế biến phải thiết lập và duy trì các quy trình phù hợp dựa trên việc xác định một cách có hệ thống các bước chế biến quan trọng.

1.3. Việc áp dụng các thủ tục nêu tại điểm 1.2 phải đảm bảo rằng các sản phẩm được sản xuất luôn được xử lý theo đúng Quy định này.

1.4. Các đơn vị phải tuân thủ các thủ tục được đề cập tại điểm 1.2 và, không ảnh hưởng đến Điều 28, phải thực hiện các thủ tục đó và, cụ thể là:

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



- (a) thực hiện các biện pháp phòng ngừa và lưu giữ hồ sơ về các biện pháp đó;
- (b) thực hiện các hoạt động vệ sinh thích hợp, theo dõi hiệu quả của chúng và lưu giữ hồ sơ về các hoạt động này;
- (c) đảm bảo rằng các sản phẩm không phải hữu cơ không được đưa ra thị trường với nhãn mác ghi rõ là sản xuất hữu cơ.

1.5. Trong quá trình chuẩn bị, các sản phẩm hữu cơ đã qua chế biến, sản phẩm đang trong quá trình chuyển hóa và sản phẩm vô cơ được giữ riêng biệt về thời gian và không gian. Nếu các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm đang trong quá trình chuyển hóa hoặc sản phẩm vô cơ, dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào, được chế biến hoặc lưu trữ trong một đơn vị chế biến, người vận hành phải:

(a) thông báo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc, nếu thích hợp, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát tương ứng; (1) Thực hành sản xuất tốt (GMP) như được định nghĩa trong Điều 3(a) của Quy định của Ủy ban (EC) số 2023/2006 ngày 22 tháng 12 năm 2006 về thực hành sản xuất tốt đối với vật liệu và sản phẩm dùng để tiếp xúc với thực phẩm (OJ L 384, 29.12.2006, tr. 75).

(b) thực hiện các hoạt động liên tục cho đến khi quá trình sản xuất dừng hoàn toàn, theo cách đảm bảo chúng được tách biệt về thời gian hoặc không gian với các hoạt động tương tự được thực hiện trên bất kỳ loại sản phẩm nào khác (hữu cơ, đang trong quá trình chuyển đổi hoặc vô cơ);

(c) trước và sau khi vận hành, lưu trữ các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm đang trong quá trình chế biến và sản phẩm phi hữu cơ theo cách đảm bảo chúng được tách biệt với nhau về thời gian hoặc không gian;

d) Cung cấp bản ghi cập nhật về tất cả các hoạt động và số lượng hàng hóa đã được xử lý;

(e) thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo nhận dạng lô hàng và tránh bất kỳ sự trộn lẫn hoặc trao đổi nào giữa các sản phẩm hữu cơ, đang trong quá trình chế biến và không hữu cơ;

f) Chỉ xử lý các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang trong quá trình chuyển hóa sau khi đã vệ sinh thiết bị sản xuất đúng cách.

1.6. Không được sử dụng các sản phẩm, chất và kỹ thuật nhằm tái tạo các đặc tính bị mất trong quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm hữu cơ, khắc phục hậu quả của sự sơ suất trong quá trình chế biến thực phẩm hữu cơ hoặc có thể gây hiểu lầm về bản chất thực sự của các sản phẩm dự định được bán trên thị trường dưới dạng thực phẩm hữu cơ.

1.7. Các đơn vị phải lưu giữ hồ sơ xác nhận giấy phép sử dụng các chất không phải hữu cơ. các nguyên liệu có nguồn gốc nông nghiệp để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến theo Điều 25, nếu chúng đã được cấp hoặc sử dụng các giấy phép đó.

2. Các yêu cầu chi tiết đối với việc sản xuất thực phẩm chế biến

2.1. Các điều kiện sau đây được đáp ứng liên quan đến thành phần của thực phẩm hữu cơ chế biến:

(a) sản phẩm được đề cập được sản xuất chủ yếu từ các nguyên liệu có nguồn gốc nông nghiệp hoặc từ các sản phẩm dùng làm thực phẩm, được liệt kê trong Phụ lục I; để xác định xem một sản phẩm có được sản xuất chủ yếu từ các sản phẩm đó hay không, nước và muối thêm vào sẽ không được tính đến;

b) Thành phần hữu cơ không có mặt cùng với thành phần tương tự ở dạng phi hữu cơ;

c) Thành phần đang trong quá trình chuyển hóa không có mặt cùng với thành phần đó ở dạng hữu cơ hoặc phi hữu cơ.

2.2. Sử dụng một số sản phẩm và chất trong chế biến thực phẩm

2.2.1. Trong chế biến thực phẩm, ngoại trừ các sản phẩm và chất từ ngành rượu vang, thuộc phạm vi áp dụng điểm 2 của Phần VI, và ngoại trừ men, thuộc phạm vi áp dụng điểm 1.3 của Phần VII, chỉ được phép sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến và các chất vô cơ.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



các thành phần có nguồn gốc nông nghiệp được phép sử dụng theo Điều 24 hoặc 25 trong sản xuất hữu cơ và các sản phẩm và chất được đề cập trong điểm 2.2.2.

2.2.2. Các sản phẩm và chất sau đây có thể được sử dụng trong chế biến thực phẩm:

(a) các chế phẩm vi sinh vật và enzyme thực phẩm thường được sử dụng trong chế biến thực phẩm, với điều kiện các enzyme thực phẩm được sử dụng làm phụ gia thực phẩm đã được cấp phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24;

(b) các chất và sản phẩm được định nghĩa trong Điều 3(2)(c) và (d)(i) của Quy định (EC) số 1334/2008 được dán nhãn là chất tạo hương tự nhiên hoặc chế phẩm tạo hương tự nhiên theo Điều 16(2), (3) và (4) của Quy định đó;

(c) màu sắc để đánh dấu thịt và trứng theo Điều 17 của Quy định (EC) số 1333/2008;

(d) màu tự nhiên và chất phủ tự nhiên trong trường hợp nhuộm màu trang trí truyền thống cho vỏ trứng luộc được sản xuất nhằm mục đích đưa ra thị trường vào một thời điểm nhất định trong năm;

e) nước uống và muối hữu cơ hoặc vô cơ (có thành phần chính là natri clorua hoặc kali clorua), thường được sử dụng trong chế biến thực phẩm;

f) khoáng chất (bao gồm cả nguyên tố vi lượng), vitamin, axit amin và các nguyên tố vi lượng, với điều kiện:

(i) việc sử dụng chúng trong thực phẩm dùng cho tiêu dùng thông thường là "bắt buộc theo luật" theo nghĩa là bắt buộc trực tiếp bởi các điều khoản của luật Liên minh hoặc luật quốc gia phù hợp với luật Liên minh, dẫn đến hậu quả là thực phẩm đó không thể được đưa ra thị trường như thực phẩm dùng cho tiêu dùng thông thường nếu không bổ sung các khoáng chất, vitamin, axit amin hoặc nguyên tố vi lượng đó; hoặc

(ii) trong trường hợp thực phẩm được tiếp thị là có đặc tính hoặc tác dụng cụ thể đối với sức khỏe hoặc dinh dưỡng hoặc liên quan đến nhu cầu của các nhóm người tiêu dùng cụ thể:

– trong các sản phẩm được đề cập trong điểm (a) và (b) của Điều 1(1) của Quy định (EU) số 609/2013 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng (1), việc sử dụng chúng được cho phép theo Quy định đó và các hành động được thông qua theo Điều 11(1) của Quy định này liên quan đến các sản phẩm đó, hoặc

– trong các sản phẩm thuộc phạm vi Chỉ thị của Ủy ban 2006/125/EC (2), việc sử dụng chúng được cho phép theo Chỉ thị đó. (1) Quy định (EU) số 609/2013 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 12 tháng 6 năm 2013 về thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, thực phẩm cho mục đích y tế đặc biệt và thay thế hoàn toàn chế độ ăn uống để kiểm soát cân nặng và bãi bỏ Chỉ thị của Hội đồng 92/52/EEC, Chỉ thị của Ủy ban 96/8/EC, 1999/21/EC, 2006/125/EC và 2006/141/EC, Chỉ thị 2009/39/EC của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng và Quy định của Ủy ban (EC) số 41/2009 và (EC) số 953/2009 (OJ L 181, 29.6.2013, trang 35). (2) Chỉ thị 2006/125/EC của Ủy ban ngày 5 tháng 12 năm 2006 về thực phẩm chế biến từ ngũ cốc và thức ăn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ (OJ L 339, 6.12.2006, trang 16).

2.2.3. Chỉ những sản phẩm làm sạch và khử trùng được phép sử dụng trong quá trình chế biến theo Điều 24 mới được sử dụng cho mục đích này.

Các nhà điều hành phải lưu giữ hồ sơ về việc sử dụng các sản phẩm này, bao gồm ngày hoặc các ngày sử dụng sản phẩm, tên sản phẩm, các hoạt chất có trong sản phẩm và địa điểm sử dụng.

2.2.4. Để phục vụ cho mục đích tính toán được đề cập trong Điều 30(5), các yêu cầu sau đây sẽ được áp dụng:

(a) một số phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24 sẽ được phân loại là thành phần có nguồn gốc nông nghiệp;

(b) các chế phẩm và chất được đề cập trong điểm 2.2.2. các điểm (a), (c), (d), (e) và (f) không được coi là thành phần có nguồn gốc nông nghiệp;

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



c) Men và các sản phẩm từ men được phân loại là nguyên liệu có nguồn gốc nông nghiệp.

2.3. Các nhà sản xuất phải lưu giữ hồ sơ về tất cả các sản phẩm được sử dụng trong sản xuất thực phẩm. Đối với các sản phẩm hỗn hợp, công thức/thành phần hoàn chỉnh thể hiện số lượng đầu vào và đầu ra phải được lưu giữ để cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức chứng nhận có thể tiếp cận.

Phần V: Quy định về sản xuất thức ăn chăn nuôi chế biến sẵn

Ngoài các quy định sản xuất chung được nêu trong Điều 9, 11 và 17, các quy định được nêu trong Phần này sẽ được áp dụng cho việc sản xuất thức ăn chăn nuôi chế biến theo phương pháp hữu cơ.

1. Các yêu cầu chung đối với việc sản xuất thức ăn chăn nuôi chế biến sẵn

1.1. Phụ gia thức ăn chăn nuôi, chất hỗ trợ chế biến và các chất, thành phần khác được sử dụng trong chế biến thức ăn chăn nuôi, cũng như các quy trình chế biến khác như hun khói, phải tuân thủ các nguyên tắc thực hành sản xuất tốt.

1.2. Các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi chế biến phải thiết lập và cập nhật các quy trình phù hợp dựa trên việc xác định một cách có hệ thống các bước xử lý quan trọng.

1.3. Việc áp dụng các thủ tục nêu tại điểm 1.2 phải đảm bảo rằng các sản phẩm được sản xuất luôn được xử lý theo đúng Quy định này.

1.4. Các thực thể phải tuân thủ các thủ tục được đề cập tại điểm 1.2 và thực hiện các thủ tục đó mà không ảnh hưởng đến Điều 28, cụ thể là:

(a) thực hiện các biện pháp phòng ngừa và lưu giữ hồ sơ về các biện pháp đó;

(b) thực hiện các hoạt động vệ sinh phù hợp, theo dõi hiệu quả và lưu giữ hồ sơ về các hoạt động đó;

(c) đảm bảo rằng các sản phẩm không phải hữu cơ không được đưa ra thị trường với nhãn mác ghi rõ là sản xuất hữu cơ.

1.5. Trong quá trình chuẩn bị, các sản phẩm hữu cơ đã qua chế biến, sản phẩm đang trong quá trình chuyển hóa và sản phẩm vô cơ được giữ riêng biệt về thời gian và không gian. Nếu các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm đang trong quá trình chuyển hóa hoặc sản phẩm vô cơ, dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào, được chế biến hoặc lưu trữ trong một đơn vị chế biến, người vận hành phải:

(a) thông báo cho cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan chứng nhận tương ứng;

(b) thực hiện các thao tác liên tục cho đến khi hoàn thành hoàn toàn, theo cách đảm bảo chúng được tách biệt về thời gian hoặc không gian với các thao tác tương tự được thực hiện trên bất kỳ loại sản phẩm nào khác (hữu cơ, đang trong quá trình chuyển đổi hoặc vô cơ);

(c) trước và sau khi vận hành, lưu trữ các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm đang trong quá trình chế biến và sản phẩm phi hữu cơ theo cách đảm bảo chúng được tách biệt với nhau về thời gian hoặc không gian;

d) Cung cấp bản ghi cập nhật về tất cả các hoạt động và số lượng hàng hóa đã được xử lý;

(e) thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo nhận dạng các lô hàng và tránh bất kỳ sự trộn lẫn hoặc trao đổi nào giữa các sản phẩm đang trong quá trình chuyển hóa và các sản phẩm phi hữu cơ;

f) Chỉ xử lý các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang trong quá trình chuyển hóa sau khi đã vệ sinh thiết bị sản xuất đúng cách.

2. Các yêu cầu cụ thể đối với việc sản xuất thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo



2.1. Nguyên liệu thức ăn hữu cơ hoặc nguyên liệu thức ăn đang trong quá trình chế biến không được phép sử dụng đồng thời trong sản phẩm thức ăn hữu cơ với cùng loại nguyên liệu thức ăn được sản xuất bằng phương pháp phi hữu cơ.

2.2. Nguyên liệu thức ăn được sử dụng hoặc chế biến trong sản xuất hữu cơ không được xử lý bằng dung môi tổng hợp hóa học.

2.3. Chỉ được sử dụng các nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ có nguồn gốc từ tảo, động vật hoặc nấm men, nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc khoáng chất, và các chất phụ gia thức ăn và chất hỗ trợ chế biến được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24 để chế biến thức ăn chăn nuôi.

2.4. Chỉ những sản phẩm làm sạch và khử trùng được phép sử dụng trong quá trình chế biến theo Điều 24 mới được sử dụng cho mục đích này.

Các nhà điều hành phải lưu giữ hồ sơ về việc sử dụng các sản phẩm này, bao gồm ngày hoặc các ngày sử dụng sản phẩm, tên sản phẩm, các hoạt chất có trong sản phẩm và địa điểm sử dụng.

2.5. Các nhà sản xuất phải lưu giữ hồ sơ về tất cả các nguyên liệu được sử dụng trong sản xuất thức ăn chăn nuôi. Trong trường hợp sản xuất các sản phẩm hỗn hợp, công thức/thành phần đầy đủ thể hiện số lượng đầu vào và đầu ra phải được lưu giữ để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức chứng nhận.

Phần VI: Rượu vang không áp dụng cho các nước thứ ba

1. Phạm vi áp dụng

1.1. Ngoài các quy tắc sản xuất chung được quy định tại Điều 9, 10, 11, 16 và 18, các quy tắc được quy định trong Phần này sẽ áp dụng cho sản xuất hữu cơ các sản phẩm thuộc ngành rượu vang được đề cập tại Điều 1(2)(1) của Quy định (EU) số 1308/2013.

1.2. Trừ khi có quy định khác rõ ràng trong Phần này, Quy định của Ủy ban (EC) số 606/2009 (1) và (EC) số 607/2009 (2) sẽ được áp dụng.

2. Sử dụng một số sản phẩm và chất nhất định

2.1. Các sản phẩm trong ngành rượu vang được sản xuất từ nguyên liệu hữu cơ.

2.2. Chỉ những sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24 mới được sử dụng trong sản xuất rượu vang, bao gồm cả trong các hoạt động, quy trình và xử lý rượu vang, tuân theo các điều kiện và giới hạn được quy định trong Quy định (EU) số 1308/2013 và Quy định (EC) số 606/2009, đặc biệt là Phụ lục IA kèm theo.

2.3. Các nhà điều hành phải lưu giữ hồ sơ về việc sử dụng tất cả các sản phẩm và chất được sử dụng trong sản xuất rượu vang và để làm sạch và khử trùng, bao gồm ngày hoặc các ngày sử dụng của từng sản phẩm, tên sản phẩm, các hoạt chất có trong đó và, nếu có, địa điểm sử dụng.

3. Các quy tắc và hạn chế trong sản xuất rượu vang

3.1. Không ảnh hưởng đến Mục 1 và 2 của Phần này và các lệnh cấm và hạn chế cụ thể được quy định trong các điểm 3.2, 3.3 và 3.4, chỉ các hoạt động, quy trình và phương pháp xử lý rượu vang, bao gồm các hạn chế được quy định trong Điều 80 và Điều 83(2) của Quy định (EU) số 1308/2013 và trong các Điều 3, 5 đến 9 và 11 đến 14 của Quy định (EC) số 606/2009 và trong các Phụ lục của các Quy định đó, được sử dụng trước ngày 1 tháng 8 năm 2010 mới được phép.

3.2. Các hoạt động, quy trình và phương pháp xử lý rượu vang sau đây bị cấm:

(a) cô đặc một phần bằng cách làm lạnh theo điểm (c) của Mục B.1 Phần I của Phụ lục VIII của Quy định (EU) số 1308/2013;

DQS Polska sp. z oo



Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ tại DQS Polska sp. z oo

(b) loại bỏ sulfur dioxide bằng các quy trình vật lý theo điểm 8 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009;

(c) điện phân để đảm bảo ổn định axit tartaric của rượu vang theo điểm 36 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009; (1) Quy định của Ủy ban (EC) số 606/2009 ngày 10 tháng 7 năm 2009 quy định một số quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 479/2008 liên quan đến các loại sản phẩm nho, thực tiễn sản xuất rượu vang và các hạn chế áp dụng (OJ L 193, 24.7.2009, trang 1). (2) Quy định của Ủy ban (EC) số 607/2009 ngày 14 tháng 7 năm 2009 quy định một số quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 479/2008 liên quan đến các tên gọi xuất xứ được bảo hộ và chỉ dẫn địa lý, thuật ngữ truyền thống, ghi nhãn và trình bày một số sản phẩm của ngành rượu vang (OJ L 193, 24.7.2009, trang 60).

(d) khử cồn một phần trong rượu vang theo điểm 40 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009;

(e) xử lý bằng nhựa trao đổi cation để đảm bảo ổn định axit tartaric trong rượu vang theo điểm 43 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009.

3.3. Các hoạt động, quy trình và phương pháp xử lý rượu vang sau đây được phép thực hiện theo các điều kiện sau:

(a) trong trường hợp xử lý nhiệt theo điểm 2 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009, với điều kiện nhiệt độ không vượt quá 75 °C;

(b) trong trường hợp ly tâm và lọc có hoặc không có chất lọc trợ theo điểm 3 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009, với điều kiện kích thước lỗ lọc không nhỏ hơn 0,2 micromet.

3.4 Bất kỳ thay đổi nào được đưa ra sau ngày 1 tháng 8 năm 2010 liên quan đến các thực tiễn, quy trình và phương pháp xử lý rượu vang được quy định trong Quy định (EC) số 1234/2007 hoặc Quy định (EC) số 606/2009 chỉ có thể được áp dụng trong sản xuất rượu vang hữu cơ sau khi các biện pháp đó đã được đưa vào như được cho phép trong Mục 3 này và, nếu cần thiết, sau khi một đánh giá đã được thực hiện theo Điều 24 của Quy định này.

Phần VII: Nấm men dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi

Ngoài các quy định sản xuất chung được nêu trong Điều 9, 11, 16, 17 và 19, các quy định được nêu trong Phần này sẽ được áp dụng cho việc sản xuất hữu cơ men dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi.

1. Yêu cầu chung

1.1. Chỉ sử dụng nguyên liệu hữu cơ để sản xuất men hữu cơ. Tuy nhiên, cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, việc bổ sung tối đa 5% chiết xuất men hoặc dịch tự phân hủy không hữu cơ vào nguyên liệu (tính theo chất khô) để sản xuất men hữu cơ được cho phép nếu người vận hành không thể thu được chiết xuất men hoặc dịch tự phân hủy từ nguồn sản xuất hữu cơ.

1.2. Men hữu cơ không được có mặt trong thực phẩm hoặc thức ăn hữu cơ cùng với men không hữu cơ.

1.3. Các sản phẩm và chất sau đây có thể được sử dụng để sản xuất và điều chế men hữu cơ:

(a) các chất hỗ trợ chế biến được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24;

(b) các sản phẩm và chất được đề cập trong Phần IV, điểm 2.2.2, các điểm a), b) và e).

1.4. Chỉ những sản phẩm làm sạch và khử trùng được phép sử dụng trong quá trình chế biến theo Điều 24 mới được sử dụng cho mục đích này.

DQS Polska sp. z oo

Mô tả quy trình chứng nhận và các quy tắc sản xuất trong nông nghiệp hữu cơ
tại DQS Polska sp. z oo



1.5. Các nhà điều hành phải lưu giữ hồ sơ về tất cả các sản phẩm và chất được sử dụng trong sản xuất men và để làm sạch và khử trùng, bao gồm ngày hoặc các ngày sử dụng của từng sản phẩm, tên sản phẩm, các hoạt chất có trong đó và địa điểm sử dụng.

Phần VIII: Các sản phẩm khác

Áp dụng cho các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định (EU) 2018/848 ĐIỀU 2 ĐOẠN 1

Các sản phẩm khác

- men được dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi,
- Trà mate, ngô ngọt, lá nho, lõi cọ, chồi hoa bia và các bộ phận ăn được tương tự khác của cây trồng và các sản phẩm chế biến từ chúng,
- Muối biển và các loại muối khác được sử dụng trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.
- kén tầm thích hợp để cuộn,
- nhựa và chất keo tự nhiên,
- sáp ong,
- tinh dầu,
- Nút bần tự nhiên, không kết dính và không chứa bất kỳ chất kết dính nào.
- bông chứa chài và chứa thu gom,
- len chứa chài và chứa thu gom,
- da sống và da thuộc,
- Các bài thuốc thảo dược truyền thống dựa trên thực vật.

Hết tài liệu